

Số: **712** /QĐ-UBND

Hà Nam, ngày **08** tháng **5** năm 2018

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Phương án bảo vệ
khoáng sản chưa khai thác trên địa bàn tỉnh Hà Nam

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Khoáng sản ngày 17 tháng 11 năm 2010;
Căn cứ Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản;
Căn cứ Quyết định số 2427/QĐ-TTg ngày 22/12/2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chiến lược khoáng sản đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030;
Căn cứ Chỉ thị số 03/CT-TTg ngày 30/3/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường hiệu lực thực thi chính sách, pháp luật về khoáng sản;
Xét đề nghị của Giám đốc sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 87 /TTr-STNMT-KS ngày 20 tháng 4 năm 2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Phương án bảo vệ khoáng sản chưa khai thác trên địa bàn tỉnh Hà Nam.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày **08** tháng **5** năm 2018.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở, ngành: Tài nguyên và Môi trường, Công thương, Kế hoạch đầu tư, Xây dựng, Giao thông Vận tải, Văn hóa Thể thao và Du lịch, Tài chính, Thông tin và Truyền thông, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Cục thuế tỉnh, Công an tỉnh, Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; các tổ chức, cá nhân hoạt động khoáng sản và tổ chức, cá nhân có liên quan trên địa bàn tỉnh chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường (để b/c);
- Tổng cục ĐC&KS Việt Nam (để b/c);
- Chủ tịch, PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Báo Hà Nam, Đài PTTH tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- VPUB: LĐVP, các CV liên quan;
- Lưu: VT. TN_(HA)

QĐ.11.5.18

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Trương Minh Hiến

PHƯƠNG ÁN

Bảo vệ khoáng sản chưa khai thác trên địa bàn tỉnh Hà Nam
(Kèm theo Quyết định số: 712/QĐ-UBND ngày 08 tháng 5 năm 2018
của UBND tỉnh Hà Nam).

I. SỰ CẦN THIẾT, QUAN ĐIỂM, MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Sự cần thiết ban hành Phương án

Căn cứ Chương III Luật Khoáng sản quy định về Bảo vệ khoáng sản chưa khai thác; Điều 17, Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ quy định trách nhiệm bảo vệ khoáng sản chưa khai thác của Ủy ban nhân dân các cấp; Chỉ thị số 03/CT-TTg ngày 30/3/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường hiệu lực thực thi chính sách, pháp luật về khoáng sản;

Trong những năm gần đây, hoạt động khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh đã cơ bản đi vào nề nếp, góp phần tăng thu ngân sách, tạo việc làm cho người lao động, Tuy nhiên, công tác quản lý, bảo vệ khoáng sản chưa khai thác của một số địa phương có lúc, có nơi chưa chặt chẽ nên hoạt động khai thác khoáng sản trái phép vẫn còn xảy ra, hoạt động khai thác cát trái phép chưa chấm dứt hoàn toàn, chủ yếu ở các khu vực giáp ranh trên tuyến sông Hồng. Vì vậy việc ban hành phương án bảo vệ khoáng sản chưa khai thác trên địa bàn tỉnh là cần thiết nhằm tăng cường sự phối hợp giữa các sở, ban, ngành và UBND các cấp để triển khai thực hiện hiệu quả công tác bảo vệ khoáng sản chưa khai thác trên địa bàn; đồng thời khắc phục những tồn tại, hạn chế; qua đó chấn chỉnh công tác quản lý, bảo vệ khoáng sản chưa khai thác; kịp thời ngăn chặn tình trạng khai thác khoáng sản trái phép; tăng cường công tác quản lý Nhà nước về khoáng sản trên địa bàn tỉnh.

2. Quan điểm

- Thực hiện nghiêm các chiến lược, chính sách, pháp luật... của Nhà nước trong công tác quản lý, bảo vệ khoáng sản chưa khai thác.

- Các tổ chức, cá nhân hoạt động thăm dò, khai thác khoáng sản theo đúng quy định pháp luật, nghiêm cấm các tổ chức, cá nhân thăm dò, khai thác khoáng sản trái pháp luật dưới mọi hình thức.

- Kiên quyết xử lý theo pháp luật các tổ chức, cá nhân hoạt động khoáng sản trái phép; người đứng đầu các cơ quan quản lý nhà nước chịu trách nhiệm trong công tác quản lý, bảo vệ khoáng sản chưa khai thác trên địa bàn, trong phạm vi, lĩnh vực quản lý.

- Bảo vệ khoáng sản chưa khai thác là một nhiệm vụ khó khăn, bởi phạm vi, tính chất, hình thức, mức độ phức tạp ngày càng tăng. Yêu cầu các sở, ngành, địa phương phải thường xuyên, tích cực, chủ động thực hiện các giải pháp phù hợp; kịp thời để bảo vệ có hiệu quả khoáng sản chưa khai thác nhằm nâng cao hơn nữa hiệu quả công tác quản lý Nhà nước về khoáng sản trên địa bàn tỉnh.

3. Mục đích, yêu cầu

- Đảm bảo khoáng sản chưa khai thác, kể cả khoáng sản ở những khu vực đã đóng cửa mỏ phải được bảo vệ theo quy định của Luật Khoáng sản.

- Quản lý chặt chẽ hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh; bảo vệ cảnh quan, môi trường, an ninh trật tự và đời sống của người dân địa phương tại khu vực có khoáng sản.

- Quy định rõ trách nhiệm người đứng đầu chính quyền các cấp trong công tác quản lý, bảo vệ khoáng sản chưa khai thác; xử lý nghiêm các tổ chức cá nhân hoạt động khoáng sản trái quy định pháp luật.

- Xây dựng quy chế phối hợp trong bảo vệ khoáng sản chưa khai thác giữa các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan ở khu vực giáp ranh để thực hiện hiệu quả công tác quản lý, bảo vệ khoáng sản chưa khai thác, ngăn chặn kịp thời hoạt động khoáng sản trái phép.

II. THỰC TRẠNG CÔNG TÁC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ KHOÁNG SẢN VÀ HOẠT ĐỘNG KHOÁNG SẢN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH HÀ NAM.

1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền các cấp

Trong thời gian qua, dưới sự chỉ đạo quyết liệt của Tỉnh ủy, UBND tỉnh; công tác quản lý hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh đã dần đi vào nề nếp và có nhiều chuyển biến tích cực; các sở, ngành và Ủy ban nhân dân các địa phương đã quan tâm, hướng dẫn và tạo điều kiện cho các doanh nghiệp hoàn thiện thủ tục pháp lý về cấp phép thăm dò, khai thác, kinh doanh, chế biến khoáng sản và giải quyết các vướng mắc trong quá trình thực hiện về đất đai, giải phóng mặt bằng, cấp phép xây dựng... Tích cực chỉ đạo thực hiện các quy định của pháp luật về hoạt động khoáng sản và công tác bảo vệ môi trường trong khai thác, chế biến khoáng sản; góp phần ngăn chặn có hiệu quả các hoạt động khoáng sản trái phép đồng thời giảm thiểu đáng kể tình trạng ô nhiễm môi trường trong hoạt động khoáng sản.

Kết quả thu ngân sách hàng năm năm sau cao hơn năm trước. Đa số các doanh nghiệp được cấp phép thực hiện nghiêm túc các quy định của Luật Khoáng sản và các quy định của pháp luật có liên quan, đầu tư khai thác theo dự án được chấp thuận, thực hiện nghĩa vụ theo quy định.

2. Công tác xây dựng, ban hành các văn bản chỉ đạo, văn bản quy phạm pháp luật về quản lý hoạt động và bảo vệ khoáng sản.

- Thực hiện Nghị quyết số 02-NQ/TW ngày 25/4/2011 của Bộ Chính trị về định hướng chiến lược khoáng sản và phát triển công nghiệp khai khoáng đến năm 2020, định hướng đến năm 2030; Quyết định số 2427/QĐ-TTg ngày 22/12/2011 của Chính phủ về Chiến lược khoáng sản đến 2020, tầm nhìn đến 2030, Luật Khoáng sản 2010 và các quy định của pháp luật có liên quan; ngoài việc cập nhật, áp dụng hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật, các văn bản chỉ đạo của Trung ương về lĩnh vực quản lý tài nguyên khoáng sản, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành nhiều văn bản chỉ đạo và quản lý các hoạt động khoáng sản; trong đó tập trung vào các nhiệm vụ trọng tâm như: Công tác quy hoạch, đấu giá quyền khai thác khoáng sản, thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, xác định giá tính thuế tài nguyên, phí bảo vệ môi trường trong khai thác khoáng sản, quy định thủ tục hành chính trong hoạt động khoáng sản,... Các văn bản được ban hành cơ bản đáp ứng được các yêu cầu để quản lý phù hợp với các quy định của pháp luật, giải quyết được những khó khăn vướng mắc trên địa bàn tỉnh.

- Xây dựng Quy chế phối hợp quản lý hành chính và hoạt động khai thác khoáng sản trên các tuyến sông giáp ranh giữa các tỉnh; thiết lập số điện thoại

đường dây nóng để tiếp nhận thông tin phản ánh của nhân dân về các vi phạm trong lĩnh vực tài nguyên môi trường.

- Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về khoáng sản của tỉnh đã cơ bản hoàn thiện, được cụ thể hóa, phục vụ ngày càng hiệu quả cho công tác quản lý khoáng sản trên địa bàn.

Tuy nhiên, cần tiếp tục hoàn chỉnh phương án bảo vệ khoáng sản chưa khai thác; điều chỉnh quy hoạch khoáng sản, khoanh định khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản.

- Các văn bản được ban hành:

+ Chỉ thị số 10/CT-UBND ngày 13/11/2009 của UBND tỉnh về việc tăng cường công tác quản lý tài nguyên khoáng sản trên địa bàn tỉnh.

+ Chỉ thị số 02/CT-UBND ngày 08/8/2011 của UBND tỉnh về việc tăng cường kiểm tra xử lý các trường hợp khai thác trái phép tài nguyên khoáng sản trên địa bàn tỉnh.

+ Chỉ thị số 10/CT-TU ngày 11/11/20016 của Tỉnh ủy về tăng cường sự lãnh đạo của cấp ủy đảng đối với công tác quản lý khoáng sản gắn với bảo vệ môi trường và kết cấu hạ tầng giao thông trên địa bàn tỉnh.

+ Kết luận số 50-KL/TU ngày 16/9/2016 của Ban thường vụ Tỉnh ủy.

+ Kế hoạch 140/KH-UBND ngày 18/01/2017 thực hiện Chỉ thị số 10/CT-TU ngày 11/11/20016 của Tỉnh ủy.

+ Kế hoạch 1752/KH-UBND ngày 28/8/2015 của UBND tỉnh thực hiện Chỉ thị 03/CT-TTg ngày 30/3/2015 của Thủ tướng Chính phủ.

+ Quyết định số 36/2010/QĐ-UBND ngày 15/11/2010 Quy định một số nội dung quản lý nhà nước về khoáng sản và hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh.

+ Quyết định số 40/2014/QĐ-UBND ngày 29/9/2014 ban hành Quy định quản lý hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh Hà Nam (thay thế quyết định 36/2010/QĐ-UBND).

+ Quyết định số 11/2017/QĐ-UBND ngày 30/3/2017 Quy định về quản lý hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh Hà Nam (Thay thế quyết định 40/2014/QĐ-UBND).

+ Quy chế phối hợp quản lý hành chính và quản lý hoạt động khoáng sản trên các tuyến sông giáp ranh giữa 3 tỉnh Hà Nam, Hưng Yên và Thái Bình ký ngày 30/3/2014.

+ Quyết định số 29/2016/QĐ-UBND ngày 19/8/2016 Quy định đấu giá quyền khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Hà Nam.

Đến nay, hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về khoáng sản của tỉnh đã cơ bản hoàn thiện, được cụ thể hóa, phục vụ ngày càng hiệu quả cho công tác quản lý khoáng sản trên địa bàn.

3. Công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về khoáng sản.

- Công tác tuyên truyền phổ biến pháp luật về khoáng sản đã được UBND tỉnh Hà Nam quan tâm chỉ đạo thực hiện thường xuyên, từ đó nhằm tạo sự chuyển biến mạnh mẽ cả trong nhận thức và hành động của nhân dân, đặc biệt là các tổ chức, cá nhân hoạt động trong lĩnh vực khoáng sản.

- Hàng năm sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức tập huấn Luật khoáng sản và các văn bản pháp luật liên quan cho UBND các cấp, các sở, ngành và doanh

nghiệp hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh; tuyên truyền giáo dục nhằm nâng cao nhận thức cộng đồng về chính sách pháp luật về khoáng sản; quyền và nghĩa vụ của Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã và người dân nơi có khoáng sản theo quy định của Luật khoáng sản.

4. Thông tin về quy hoạch khoáng sản trên địa bàn tỉnh.

a) Lập, thực hiện quy hoạch khoáng sản thuộc thẩm quyền của tỉnh.

Nhận thức được sự cần thiết của công tác quy hoạch khoáng sản và quản lý hoạt động khoáng sản theo quy hoạch; từ năm 2005 đến nay, UBND tỉnh đã chỉ đạo sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện đề tài “Khoanh vùng loại khoáng sản chủ yếu làm cơ sở cho việc quản lý và sử dụng hợp lý nguồn tài nguyên khoáng sản trên địa bàn tỉnh Hà Nam” và các quy hoạch khoáng sản; khoanh định, xin ý kiến các Bộ, ngành và trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt khu vực cấm hoạt động khoáng sản, cụ thể:

- Quyết định số 1123/QĐ-CT ngày 15/7/2005 về việc phê duyệt quy hoạch khai thác, sử dụng tài nguyên cát lòng sông đến năm 2010 trên địa bàn tỉnh Hà Nam;

- Quyết định 1071/QĐ-UBND ngày 23/10/2006 phê duyệt kết quả “Khoanh vùng loại khoáng sản chủ yếu làm cơ sở cho việc quản lý và sử dụng hợp lý nguồn tài nguyên khoáng sản trên địa bàn tỉnh Hà Nam”.

- Quyết định số 1610/QĐ-UBND ngày 30/11/2009 về việc phê duyệt quy hoạch sử dụng đất vật liệu xây dựng vùng đất bãi ven sông Hồng đến năm 2010 và Kế hoạch sử dụng đất vật liệu xây dựng vùng đất bãi ven sông Hồng (2009 – 2010) của huyện Duy Tiên;

- Quyết định số 1115/QĐ-UBND ngày 05/4/2010 về việc phê duyệt quy hoạch sử dụng đất vật liệu xây dựng vùng đất bãi ven sông Hồng đến năm 2020 và Kế hoạch sử dụng đất vật liệu xây dựng vùng đất bãi ven sông Hồng (2009-2015) của huyện Lý Nhân;

- Quyết định 464/2010/QĐ-UBND ngày 07/5/2010 phê duyệt quy hoạch khoáng sản đến năm 2020 định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Hà Nam.

- Quyết định số 1334/QĐ-UBND ngày 10/10/2012 về việc phê duyệt quy hoạch điều chỉnh sử dụng đất vật liệu xây dựng khu vực bãi bồi sông Hồng thuộc xã Chân Lý, huyện Lý Nhân;

- Quyết định 948/QĐ-UBND ngày 11/9/2014 phê duyệt Quy hoạch thăm dò khai thác và sử dụng khoáng sản làm VLXDTT đến năm 2020 định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Hà Nam.

- Quyết định số 1609/QĐ-UBND ngày 24/12/2014 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt kết quả khoanh vùng khu vực cấm hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh.

- Quyết định số 1872/QĐ-UBND ngày 24/11/2016 về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch thăm dò, khai thác, sử dụng khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Hà Nam.

b) Lập, thực hiện quy hoạch khoáng sản thuộc thẩm quyền của các Bộ, ngành Trung ương.

Hoạt động thăm dò, khai thác, chế biến, sử dụng khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp phép Bộ Tài nguyên và Môi trường trên địa bàn tỉnh Hà Nam cũng được các ngành chức năng của tỉnh tổ chức triển khai thực hiện đảm bảo mục

tiêu đã đề ra tại các Quy hoạch đã được Chính phủ, các Bộ, ngành Trung ương phê duyệt như: Quyết định số 105/2008/QĐ-TTg ngày 21/7/2008 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch thăm dò, khai thác và sử dụng khoáng sản làm xi măng đến năm 2020; Quyết định số 1065/QĐ-TTg ngày 09/7/2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh, bổ sung quy hoạch thăm dò, khai thác và sử dụng khoáng sản làm xi măng ở Việt Nam đến năm 2020; Quyết định số 1676/TTg-KTN ngày 17/10/2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh, bổ sung mỏ đất sét khu vực dãy Khe Non huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam; Văn bản số 1071/TTg-KTN ngày 15/7/2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt bổ sung mỏ đá vôi vào quy hoạch thăm dò, khai thác làm nguyên liệu cho Dự án xi măng Thành Thắng; Văn bản số 1685/TTg-KTN ngày 22/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt bổ sung mỏ đá vôi vào quy hoạch cho dự án dây chuyền 2 xi măng Xuân Thành; Văn bản số 1335/TTg-KTN ngày 11/8/2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt bổ sung mỏ đá vôi vào quy hoạch thăm dò, khai thác và sử dụng khoáng sản làm xi măng ở Việt Nam cho Công ty CPXM Vicem Bút Sơn; Quyết định số 507/QĐ-BXD ngày 27/4/2015 của Bộ Xây dựng phê duyệt quy hoạch phát triển công nghiệp vôi đến năm 2020, có xét đến năm 2030...

5. Thông tin về khu vực cấm, tạm cấm hoạt động khoáng sản.

Thực hiện quy định của pháp luật về khoáng sản đồng thời thực hiện mục tiêu của chiến lược về khoáng sản là gắn hoạt động khai thác khoáng sản với bảo đảm an ninh quốc phòng, bảo vệ di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh, bảo vệ môi trường, cảnh quan thiên nhiên và bảo vệ các khu vực khoáng sản chưa khai thác; các khu vực cấm hoạt động khoáng sản thuộc các quy hoạch đất quốc phòng, rừng phòng hộ, cảnh quan môi trường, khu vực văn hóa tâm linh, hành lang đê, kè, cụ thể:

- Huyện Thanh Liêm: 21 khu vực, diện tích 998,87 ha
- Huyện Kim Bảng: 14 khu vực, diện tích 3.746,27 ha
- Huyện Lý Nhân: 09 khu vực, diện tích 102,88 ha
- Huyện Duy Tiên: 05 khu vực, diện tích 56,13 ha

6. Công tác cấp phép hoạt động khoáng sản, đấu giá quyền khai thác khoáng sản (thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh).

a) Các đơn vị đã được UBND tỉnh cấp giấy phép khai thác khoáng sản.

Đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2017; trên địa bàn tỉnh có 87 tổ chức được cấp phép khai thác khoáng sản với 96 điểm mỏ, trong đó:

- Đá vôi làm VLXDTT: 76 điểm mỏ.
- Sét làm gạch ngói: 08 điểm mỏ.
- Sét làm xi măng: 01 điểm mỏ.
- Vật liệu san lấp: 10 điểm mỏ.
- Cát làm VLXD: 01 điểm mỏ.

b) Các đơn vị đã được UBND tỉnh cấp phép thăm dò và phê duyệt trữ lượng khoáng sản.

Đến nay trên địa bàn tỉnh còn 17 đơn vị đã được cấp phép thăm dò, đã phê duyệt trữ lượng.

c) Về việc tận thu cát, sỏi trong hoạt động nạo vét luồng lạch.

Trên địa bàn tỉnh hiện có 01 dự án nạo vét tuyến luồng đường thủy nội địa quốc gia sông Hồng được Cục đường thủy nội địa Việt Nam cho phép triển khai thực hiện theo hình thức xã hội hoá có tận thu sản phẩm nạo vét, thời hạn thực hiện dự án đến hết quý IV năm 2017. Đến nay thời gian thực hiện dự án đã kết thúc theo văn bản chấp thuận chuẩn tắc của Cục đường thủy nội địa Việt Nam tại Văn bản số 1235/CĐTND-DLHT ngày 13/8/2013 của Cục đường thủy nội địa Việt Nam. Cục đường thủy nội địa Việt Nam đã chỉ đạo chi cục đường thủy nội địa phía Bắc kiểm tra, nghiệm thu dự án và kết thúc thực hiện dự án.

d) Về công tác đấu giá quyền khai thác khoáng sản trên địa bàn Tỉnh.

Công tác đấu giá quyền khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh được triển khai từ giữa năm 2015 do các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành của Trung ương về công tác đấu giá quyền khai thác khoáng sản còn chậm và chưa đầy đủ. Đến nay, Hội đồng đấu giá quyền khai thác khoáng sản của tỉnh đã tổ chức đấu giá quyền khai thác khoáng sản đối với 02 mỏ (01 mỏ cát làm vật liệu san lấp, diện tích 34,77 ha thuộc xã Mộc Bắc, huyện Duy Tiên; 01 mỏ sét làm gạch ngói, diện tích 18,64 ha thuộc xã Mộc Bắc, huyện Duy Tiên);

7. Về tình hình hoạt động khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp phép của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Đối với các giấy phép thăm dò, khai thác khoáng sản đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp trên địa bàn tỉnh, UBND Tỉnh đã chỉ đạo sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp tốt trong công tác xác định khu vực cấm tạm cấm hoạt động khoáng sản để thỏa thuận cấp phép thăm dò, khai thác khoáng sản trên địa bàn thuộc thẩm quyền cấp phép của Bộ Tài nguyên và Môi trường, tổ chức bàn giao mốc giới mỏ tại thực địa.

Đến ngày 31/12/2017, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã cấp:

- Đá vôi làm nguyên liệu sản xuất xi măng: 06 giấy phép, diện tích 238,74 ha
- Sét làm nguyên liệu sản xuất xi măng: 03 giấy phép, diện tích 122,2 ha

8. Tình hình thực hiện các quy định của pháp luật có liên quan

a) Về công tác quản lý, bảo vệ môi trường

- 100% các dự án khai thác đã được cấp giấy phép khai thác khoáng sản có báo cáo đánh giá tác động môi trường, đề án hoặc kế hoạch bảo vệ môi trường được cấp có thẩm quyền phê duyệt; một số dự án đã có đề án cải tạo, phục hồi môi trường, giấy phép khai thác tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước.... nhưng việc triển khai thực hiện chưa tuân thủ đầy đủ theo quy định.

- Về ký quỹ cải tạo phục hồi môi trường: Đến nay đa số các đơn vị khai thác khoáng sản đã thực hiện ký quỹ cải tạo phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản; các đơn vị chưa ký quỹ là do chưa khai thác hoặc đang tạm dừng khai thác.

- Công tác đóng cửa mỏ, cải tạo phục hồi môi trường các khu vực khai thác cũng từng bước được quan tâm nhưng chưa thật sự nghiêm túc theo đúng đề án được duyệt; một số đơn vị đã triển khai việc xây dựng các công trình bảo vệ môi trường trong quá trình khai thác như: Lắp đặt hệ thống phun nước dập bụi tại

máng cấp liệu, các đầu băng tải; quan tâm vệ sinh nhà xưởng, trồng cây xanh, thu gom, xử lý chất thải, tưới nước chống bụi, quan trắc định kỳ...

b) Về thực hiện nghĩa vụ tài chính

Sở Tài chính, sở Tài nguyên và Môi trường, sở Xây dựng, Cục Thuế tỉnh đã thường xuyên bám sát quy định khung giá các loại khoáng sản để tham mưu điều chỉnh giá tính thuế tài nguyên kịp thời.

Hàng năm, UBND tỉnh chỉ đạo sở Tài nguyên và Môi trường đôn đốc, kiểm tra, giám sát các doanh nghiệp thực hiện đo, lập bản đồ hiện trạng mỏ, xác định khối lượng khoáng sản đã khai thác trong khu vực mỏ được cấp phép, khu chế biến, đường vào mỏ, khối lượng khai thác trong các dự án đầu tư XDCT và chuyển kết quả cho Cục thuế tỉnh để đối chiếu rà soát với kết quả kê khai của doanh nghiệp nhằm hạn chế việc kê khai thiếu sản lượng thực hiện nghĩa vụ với nhà nước.

Công tác tính, thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đã được UBND tỉnh chỉ đạo thực hiện ngay sau khi Nghị định 203/2013/NĐ-CP ngày 28/11/2013 có hiệu lực. Đến nay 100% các mỏ được cấp phép khai thác khoáng sản, Quyết định phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản và thực hiện nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản theo quy định.

Các doanh nghiệp cơ bản thực hiện nghiêm việc nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản: Năm 2014 đã thu được 67,62 tỷ đồng, năm 2015 đã thu được 152,8 tỷ đồng, năm 2016 đã thu được 108,5 tỷ đồng, năm 2017 đã thu được 122,113 tỷ đồng tiền cấp quyền khai thác khoáng sản.

9. Công tác thanh tra, kiểm tra

Từ năm 2015 đến năm 2017 Bộ Xây dựng thực hiện thanh tra 85 doanh nghiệp; Tổng cục Địa chất khoáng sản thực hiện thanh tra 19 doanh nghiệp khai thác khoáng sản (*năm 2015 thanh tra 6 doanh nghiệp, năm 2017 thanh tra 13 doanh nghiệp*), các đoàn thanh tra đã đánh giá việc chấp hành quy định pháp luật của các doanh nghiệp trong hoạt động khai thác khoáng sản đồng thời cũng đã chỉ ra những tồn tại, vi phạm của các doanh nghiệp, kiến nghị UBND tỉnh Hà Nam chỉ đạo các sở, ban, ngành liên quan theo dõi, đôn đốc các doanh nghiệp thực hiện khắc phục tồn tại, vi phạm đã nêu trong kết luận thanh tra. Sở Tài nguyên và Môi trường đã tiến hành kiểm tra đôn đốc thực hiện kết luận thanh tra toàn bộ 6 doanh nghiệp, ban hành văn bản đôn đốc 13 doanh nghiệp khắc phục các tồn tại được nêu tại kết luận thanh tra, báo cáo kết quả khắc phục gửi về sở Tài nguyên và Môi trường.

Thực hiện chương trình thanh tra hàng năm theo quyết định của UBND tỉnh. Từ năm 2015 đến năm 2017, Thanh tra tỉnh chủ trì thanh tra 26 doanh nghiệp (*năm 2015 thanh tra 7 doanh nghiệp, năm 2016 thanh tra 7 doanh nghiệp, năm 2017 thanh tra 12 doanh nghiệp*);

Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp với sở Công thương, sở Khoa học công nghệ và Môi trường, sở Lao động Thương binh và Xã hội; Cục thuế tỉnh tổ chức thanh tra 16 doanh nghiệp (*năm 2015 thanh tra 8 doanh nghiệp, năm 2016 không thanh tra, năm 2017 thanh tra 8 doanh nghiệp*). Qua thanh tra uốn nắn, chấn chỉnh và yêu cầu các doanh nghiệp phải chấp hành quy định pháp luật và truy thu thuế, phí, đồng thời kiến nghị UBND tỉnh Hà Nam chỉ đạo các sở, ban,

ngành liên quan theo dõi, đôn đốc các tổ chức thực hiện khắc phục tồn tại, vi phạm; kiến nghị truy thu 1.289.420.690 đồng, xử phạt vi phạm hành chính 9 tổ chức tổng số tiền 751.492.807 đồng; Chánh Thanh tra sở Tài nguyên và Môi trường đã xử phạt vi phạm hành chính về vi phạm khai thác đá, vi phạm hành chính được phát hiện sau khi đo mỏ, tổng số tiền xử phạt các hành vi vi phạm trong hoạt động khai thác khoáng sản từ năm 2015 đến năm 2017 là 2.741.000.000 đồng và tước quyền sử dụng giấy phép khai thác của 12 doanh nghiệp (12 giấy phép) do chậm nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản.

10. Tình hình quản lý, bảo vệ khoáng sản chưa khai thác.

- Căn cứ Luật Khoáng sản năm 2010, Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ; Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Quyết định số 11/2017/QĐ-UBND ngày 30/3/2017 kèm theo Quy định quản lý hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh Hà Nam quy định trách nhiệm của UBND các cấp trong việc bảo vệ khoáng sản chưa khai thác trên địa bàn địa phương.

- Tỉnh ủy, UBND tỉnh đã thường xuyên ban hành các văn bản chỉ đạo các sở, ngành, các địa phương có khoáng sản thực hiện các giải pháp nhằm phòng ngừa, ngăn chặn hoạt động khai thác khoáng sản trái phép; các địa phương, các ngành chức năng công bố địa chỉ hộp thư điện tử, số điện thoại đường dây nóng để nhân dân biết, phản ánh thông tin về hoạt động khai thác khoáng sản trái phép; Giao công an tỉnh chủ trì tổ chức kiểm tra, xử phạt hành chính; tịch thu phương tiện phục vụ khai thác khoáng sản trái phép đối với các tổ chức, cá nhân khai thác cát trái phép trên các tuyến sông. Với sự chỉ đạo quyết liệt của Tỉnh ủy, UBND tỉnh và sự vào cuộc của các sở ngành, UBND các cấp; hoạt động khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh dần đi vào nề nếp, tình trạng khai thác trái phép, nhất là khai thác cát trái phép trên sông Hồng đã giảm đáng kể.

11. Những tồn tại, hạn chế, nguyên nhân

*** Tồn tại, hạn chế**

- Công tác tuyên truyền các chính sách pháp luật về khoáng sản chưa thường xuyên nên kết quả chưa cao.

- Sự phối hợp giữa các sở, ban, ngành địa phương trong công tác quản lý khoáng sản cũng như trong thanh tra, kiểm tra, giám sát hoạt động khoáng sản có lúc có nơi còn chưa đồng bộ. Việc phát hiện và xử lý vi phạm chưa kịp thời, xử lý vi phạm còn nhẹ nên vẫn còn hiện tượng tái phạm.

- Sự phù hợp giữa quy hoạch khai thác khoáng sản và quy hoạch hạ tầng còn bất cập, chưa đồng bộ. Quy hoạch xây dựng hạ tầng kỹ thuật phục vụ khai thác, chế biến khoáng sản được duyệt tại quyết định số 1645/QĐ-UBND ngày 31/12/2010 của UBND tỉnh Hà Nam chỉ mang tính định hướng, các số liệu đầu vào phục vụ công tác lập quy hoạch còn thiếu, không có bản đồ khảo sát nền địa hình hiện trạng mà phải thực hiện dựa trên bản đồ tỷ lệ 1/25.000.... dẫn đến chất lượng quy hoạch chưa cao nên gặp nhiều khó khăn trong quá trình tổ chức thực hiện lập quy hoạch. Một số quy hoạch xây dựng mới chồng lấn làm ảnh hưởng đến quy hoạch khoáng sản đã được duyệt.

- Một số địa phương còn hiện tượng khai thác khoáng sản trái phép.

- Chất lượng công tác tham mưu của sở ngành, địa phương có mặt còn hạn chế.

*** Nguyên nhân**

- Văn bản quy phạm pháp luật liên tục thay đổi; các văn bản hướng dẫn thi hành luật chậm ban hành.

- Quá trình lập quy hoạch của các ngành thiếu sự đồng bộ giữa quy hoạch khoáng sản và quy hoạch ngành.

- Công tác quản lý nhà nước về hoạt động khoáng sản, môi trường của các cấp, ngành có lúc, có nơi còn chưa chặt chẽ, công tác hậu kiểm chưa được quan tâm đúng mức; việc kiểm tra, đôn đốc, xử lý các vi phạm ở cấp xã, huyện chưa thường xuyên. Chính quyền địa phương, nhất là cấp xã chưa tích cực xử lý các trường hợp khai thác khoáng sản trái phép.

- Kinh phí phục vụ cho công tác bảo vệ khoáng sản chưa khai thác chưa được phân bổ từ nguồn thu ngân sách; thiếu phương tiện kiểm tra, truy bắt (*nhất là đối với khai thác cát lòng sông*), khoáng sản chủ yếu là lộ thiên dễ khai thác, hình thức khai thác không đòi hỏi máy móc thiết bị phức tạp và lao động trình độ cao, vì vậy rất khó khăn trong công tác bảo vệ khoáng sản chưa khai thác (đất làm gạch ngói, cát san lấp) dọc các tuyến sông nhất là tại các khu vực giáp ranh giữa các tỉnh.

- Cán bộ quản lý khoáng sản cấp huyện, xã chủ yếu vẫn kiêm nhiệm, số lượng còn ít, không có chuyên môn, thiếu kinh nghiệm, không được đào tạo cơ bản.

- Công tác phối hợp, trao đổi thông tin liên quan đến công tác bảo vệ khoáng sản chưa khai thác, ngăn chặn hoạt động khoáng sản trái phép giữa các địa phương giáp ranh còn hạn chế.

- Nhận thức, ý thức chấp hành pháp luật trong hoạt động khoáng sản của một số doanh nghiệp còn hạn chế.

III. MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Đối tượng cần bảo vệ

Đối tượng cần bảo vệ là khoáng sản chưa khai thác trên địa bàn toàn tỉnh bao gồm: khoáng sản ở trong và ngoài khu vực đã được cấp giấy phép khai thác, khoáng sản khác được phát hiện trong ranh giới khu vực đã được cấp giấy phép khai thác nhưng chưa được cơ quan thẩm quyền cho phép khai thác, hoặc khoáng sản đi kèm đã được được cơ quan thẩm quyền cho phép thu hồi nhưng chưa thu hồi được, khoáng sản chưa khai thác trong diện tích đất đang sử dụng trừ trường hợp khoáng sản làm vật liệu xây dựng trong diện tích đất ở của hộ gia đình cá nhân (*quy định tại điểm b khoản 2 Điều 64 của Luật Khoáng sản*), khoáng sản tại khu vực đã được quy hoạch xây dựng công trình, kể cả khoáng sản ở bãi thải của mỏ đã đóng cửa mỏ.

2. Các giải pháp để bảo vệ khoáng sản chưa khai thác

- Ban hành các văn bản hướng dẫn thi hành pháp luật về khoáng sản theo thẩm quyền đảm bảo kịp thời, nội dung phù hợp với quy định pháp luật và yêu cầu thực tiễn;

- Thường xuyên thực hiện tốt công tác tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật về khoáng sản, bảo vệ tài nguyên khoáng sản chưa khai thác;

- Tổ chức, chỉ đạo, phối hợp kịp thời, chặt chẽ, có hiệu quả các lực lượng trên địa bàn để thường xuyên kiểm tra, chủ động ngăn chặn, kịp thời giải tỏa triệt để hoạt động khoáng sản trái phép trên địa bàn toàn tỉnh.

- Xử lý kịp thời, nghiêm minh theo đúng quy định pháp luật đối với hành vi khai thác khoáng sản trái phép và đối với các cán bộ, công chức có vi phạm liên quan đến khai thác khoáng sản trái phép.

- Định kỳ tổ chức lập, bổ sung kế hoạch, phương án bảo vệ khoáng sản chưa khai thác của địa phương, của tỉnh; sơ kết, tổng kết, đánh giá, tổng hợp kết quả thực hiện ở từng địa phương và trên địa bàn tỉnh, rút ra bài học kinh nghiệm, phổ biến cách làm hiệu quả, phù hợp với từng địa phương, cơ quan, đơn vị.

IV. THỐNG KÊ SỐ LƯỢNG, DIỆN TÍCH CÁC KHU VỰC THĂM DÒ, KHAI THÁC KHOÁNG SẢN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH CẦN ĐƯỢC BẢO VỆ.

1. Các điểm mỏ đã được cấp phép thăm dò (Phụ lục số 01).

- Đá vôi làm nguyên liệu sản xuất xi măng: 02 khu vực, diện tích 190,9 ha
- Sét làm nguyên liệu sản xuất xi măng: 04 khu vực, diện tích 119,41 ha
- Đá vôi làm VLXD thông thường: 16 khu vực, diện tích 171,91 ha
- + Huyện Kim Bảng: 05 khu vực, diện tích 58,37 ha
- + Huyện Thanh Liêm: 10 khu vực, diện tích 113,54 ha
- Sét gạch ngói: 01 khu vực, diện tích 34,32 ha
- Cát san lấp: 01 khu vực, diện tích 5,8 ha

2. Các điểm mỏ đã được cấp giấy phép khai thác (Phụ lục số 02).

a) Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp:

- Đá vôi làm nguyên liệu sản xuất xi măng: 06 giấy phép, diện tích 238,74 ha
- Sét làm nguyên liệu sản xuất xi măng: 03 giấy phép, diện tích 122,2 ha

b) Ủy ban nhân dân tỉnh cấp: Tổng diện tích 910,44 ha, gồm 96 điểm mỏ, trong đó:

- Đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường: 76 mỏ, diện tích 656,95 ha;
- Sét xi măng: 01 mỏ, diện tích 8,1 ha;
- Sét gạch ngói: 08 mỏ, diện tích 98,73 ha;
- Cát xây dựng: 01 mỏ, diện tích 15,5 ha;
- Vật liệu san lấp: 10 mỏ, diện tích 131,06 ha.

3. Các khu vực, mỏ khoáng sản đã được điều tra đánh giá (Phụ lục số 03).

Các khu vực, các mỏ khoáng sản đã được điều tra đánh giá trên địa bàn tỉnh gồm 17 khu vực và 54 mỏ,

Trong đó:

- Đá vôi xi măng: 12 khu vực, diện tích 950,77 ha
- Sét xi măng: 05 khu vực, diện tích 301 ha
- Đá vôi làm VLXD thông thường: 35 mỏ, diện tích 2.249,41 ha
- Sét gạch ngói: 08 mỏ, diện tích 379,16 ha
- Cát xây dựng: 01 mỏ, diện tích 4,5 ha
- Vật liệu san lấp: 10 mỏ, diện tích 786,63 ha

4. Các khu vực cấm hoạt động khoáng sản (Phụ lục số 04).

Các khu vực cấm hoạt động khoáng sản thuộc các quy hoạch đất quốc phòng, rừng phòng hộ, cảnh quan môi trường, khu vực văn hóa tâm linh, hành lang đô, kè, cụ thể:

- Huyện Thanh Liêm: 21 khu vực, diện tích 998,87 ha
- Huyện Kim Bảng: 14 khu vực, diện tích 3.746,27 ha

- Huyện Lý Nhân: 09 khu vực, diện tích 102,88 ha

- Huyện Duy Tiên: 05 khu vực, diện tích 56,13 ha

5. Các khu vực, điểm mỏ đã kết thúc khai thác, đóng cửa mỏ cần được bảo vệ (Phụ lục số 05).

- Huyện Kim Bảng: 21 mỏ, diện tích 20,675 ha

- Huyện Thanh Liêm: 19 mỏ, diện tích 54,9 ha

6. Cập nhật thông tin quy hoạch thăm dò, khai thác và sử dụng khoáng sản của tỉnh đến thời điểm lập phương án.

Từ năm 2005 đến nay, UBND tỉnh Hà Nam đã ban hành quyết định phê duyệt các quy hoạch khoáng sản:

- Quyết định số 1123/QĐ-CT ngày 15/7/2005 về việc phê duyệt quy hoạch khai thác, sử dụng tài nguyên cát lòng sông đến năm 2010 trên địa bàn tỉnh Hà Nam;

- Quyết định số 1610/QĐ-UBND ngày 30/11/2009 phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất VLXD vùng đất bãi ven sông Hồng đến năm 2010 và Kế hoạch sử dụng đất VLXD vùng đất bãi ven sông Hồng (2009 – 2010) huyện Duy Tiên.

- Quyết định số 1115/QĐ-UBND ngày 05/4/2010 phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất VLXD vùng đất bãi ven sông Hồng đến năm 2020 và Kế hoạch sử dụng đất VLXD vùng đất bãi ven sông Hồng (2009-2015) của huyện Lý Nhân.

- Quyết định số 1334/QĐ-UBND ngày 10/10/2012 phê duyệt Quy hoạch điều chỉnh sử dụng đất vật liệu xây dựng khu vực bãi bồi sông Hồng thuộc xã Chân Lý, huyện Lý Nhân.

- Quyết định 464/2010/QĐ-UBND ngày 07/5/2010 phê duyệt quy hoạch khoáng sản đến năm 2020 định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Hà Nam.

- Quyết định số 948/2014/QĐ-UBND ngày 11/9/2014 phê duyệt Quy hoạch khoáng sản làm vật liệu xây dựng (VLXD) thông thường đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Hà Nam.

- Quyết định số 1872/QĐ-UBND ngày 24/11/2016 phê duyệt điều chỉnh quy hoạch khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh (điều chỉnh quy hoạch cát).

- Tổng diện tích khoáng sản sau quy hoạch, điều chỉnh:

+ Đá vôi làm VLXDTT: 1.449,53 ha.

+ Sét gạch ngói: 493,13 ha.

+ Vật liệu san lấp: 404,75 ha.

V. TRÁCH NHIỆM PHỐI HỢP BẢO VỆ KHOÁNG SẢN CHƯA KHAI THÁC VỚI ĐỊA PHƯƠNG LIÊN QUAN Ở KHU VỰC GIÁP RANH.

1. Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã tại các khu vực giáp ranh giữa các xã, các huyện trong và ngoài tỉnh phải có trách nhiệm phối hợp cung cấp thông tin cho chính quyền cấp huyện, xã giáp ranh khi phát hiện hoạt động khoáng sản trái phép; phối hợp với các lực lượng của địa phương giáp ranh tổ chức ngăn chặn để xử lý theo thẩm quyền đối với hoạt động khai thác khoáng sản trái phép khi phát hiện hoặc khi có đề nghị của địa phương giáp ranh.

2. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh có trách nhiệm:

- Triển khai bảo vệ khoáng sản chưa khai thác theo quy định hiện hành và quy định tại Phương án này;

- Xây dựng kế hoạch bảo vệ khoáng sản chưa khai thác theo địa giới hành chính trên địa bàn các huyện, thành phố đã được phê duyệt; xây dựng kế hoạch, chương trình phối hợp trong công tác bảo vệ khoáng sản chưa khai thác với địa phương liên quan ở khu vực giáp ranh;

- Quy định rõ cách thức phối hợp, cơ quan thường trực là đầu mối chịu trách nhiệm liên hệ, cung cấp thông tin trong công tác phối hợp, triển khai cụ thể chương trình phối hợp tới Ủy ban nhân dân cấp xã;

- Hàng năm kiểm tra, cập nhật thông tin, bổ sung kế hoạch bảo vệ khoáng sản chưa khai thác trên địa bàn địa phương, gửi về sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh để bổ sung, điều chỉnh phương án bảo vệ khoáng sản chưa khai thác trên địa bàn toàn tỉnh.

3. Sở Tài nguyên và Môi trường là cơ quan trực tiếp nhận các thông tin phản ánh của các sở, ngành, địa phương và nhân dân để tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh các vấn đề liên quan đến cung cấp thông tin và phối hợp trong công tác bảo vệ khoáng sản chưa khai thác với các cơ quan đồng cấp của tỉnh giáp ranh.

4. Các cơ quan, đơn vị liên quan theo chức năng nhiệm vụ thực hiện công tác quản lý; kịp thời phát hiện, cung cấp thông tin và phối hợp với UBND cấp huyện, cấp xã và sở Tài nguyên và Môi trường trong công tác bảo vệ các khu vực khoáng sản chưa khai thác trên địa bàn tỉnh.

VI. TRÁCH NHIỆM BẢO VỆ KHOÁNG SẢN CHƯA KHAI THÁC TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH.

1. Sở Tài nguyên và Môi trường

- Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố xây dựng và trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành văn bản hướng dẫn thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, quy định của Nhà nước về quản lý, bảo vệ tài nguyên khoáng sản và quản lý hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh.

- Tổ chức tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về khoáng sản.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan lập, điều chỉnh quy hoạch thăm dò, khai thác, sử dụng các loại khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp giấy phép của Ủy ban nhân dân tỉnh, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua trước khi phê duyệt.

- Công bố, công khai quy hoạch thăm dò, khai thác, sử dụng khoáng sản thuộc thẩm quyền của tỉnh sau khi được phê duyệt. Quản lý và chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh về việc cấp phép thăm dò, khai thác phù hợp với Quy hoạch đã được phê duyệt.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan khoanh định các khu vực cấm, tạm thời cấm hoạt động khoáng sản, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh để trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; khoanh định khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

- Lập, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, điều chỉnh Phương án bảo vệ khoáng sản chưa khai thác trên địa bàn tỉnh.

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố thanh tra, kiểm tra việc chấp hành các qui định pháp luật của các tổ chức, cá nhân hoạt động khoáng sản; giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về hoạt động khoáng sản, xử lý hoặc kiến nghị xử lý các vi phạm pháp luật về khoáng sản theo quy định.

- Là cơ quan thường trực tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam phối hợp trong công tác bảo vệ khoáng sản chưa khai thác với các tỉnh giáp ranh.

- Rà soát, chịu trách nhiệm về tính chính xác của các nội dung trong Phương án bảo vệ khoáng sản chưa khai thác (*đặc biệt là nội dung về số lượng, diện tích, trữ lượng, công suất khai thác và các thông tin liên quan của các khu vực thăm dò, khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh cần được bảo vệ*), đảm bảo theo đúng nội dung đã được Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tài nguyên và Môi trường, UBND tỉnh chấp thuận, phê duyệt.

2. Sở Tài chính

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan thẩm định dự toán, kinh phí chi cho nhiệm vụ bảo vệ khoáng sản chưa khai thác do UBND các huyện, thành phố; các sở, ngành lập; báo cáo UBND Tỉnh xem xét, phê duyệt.

- Chủ trì tham mưu cho UBND tỉnh trong việc bố trí kinh phí quản lý, bảo vệ tài nguyên khoáng sản trên địa bàn tỉnh; kinh phí hỗ trợ để nâng cấp, cải tạo các hạng mục công trình cho địa phương nơi có khoáng sản được khai thác.

- Tham mưu UBND tỉnh phân bổ nguồn kinh phí cho công tác bảo vệ tài nguyên khoáng sản chưa khai thác từ nguồn thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản theo quy định tại Điều 13 Nghị định số 203/2013/NĐ-CP ngày 28/11/2013 của Chính phủ.

3. Công an tỉnh

- Chỉ đạo các đơn vị nghiệp vụ; Công an huyện, thành phố thực hiện chức năng quản lý nhà nước về an ninh trật tự, thường xuyên kiểm tra địa bàn có hoạt động khoáng sản, nhất là những nơi thường xảy ra hiện tượng khai thác khoáng sản trái phép, xử lý hoặc kiến nghị xử lý đối với các trường hợp vi phạm theo quy định của pháp luật.

- Tham mưu, đề xuất ban hành các văn bản chỉ đạo, điều hành liên quan đến lĩnh vực khoáng sản theo nhiệm vụ được phân công.

- Chủ động phối hợp với sở Tài nguyên và Môi trường và các sở, ngành liên quan định kỳ hoặc đột xuất kiểm tra các tổ chức, cá nhân hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh.

- Tổ chức điều tra, xác minh, xử lý hoặc kiến nghị xử lý các vi phạm trong lĩnh vực hoạt động khoáng sản theo quy định của pháp luật.

4. Sở Công Thương

- Quản lý chặt chẽ việc sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, kịp thời ngăn chặn và có biện pháp xử lý đối với các trường hợp sử dụng VLNCN khai thác khoáng sản trái phép (vượt mốc giới mỏ, vượt công suất, sai thiết kế mỏ...)

- Chỉ đạo Chi cục Quản lý thị trường tăng cường công tác kiểm tra, xử lý việc tàng trữ, vận chuyển, mua bán khoáng sản không có nguồn gốc khai thác, chế biến hợp pháp.

5. Sở Xây dựng

- Chủ trì, phối với các sở, ngành: Xây dựng, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch hạ tầng khai thác, chế biến khoáng sản trên địa bàn tỉnh; quản lý cost khai thác các mỏ khoáng sản; Quy hoạch phát triển vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh; thẩm định Thiết kế cơ sở của các Dự án đầu tư xây dựng công trình mỏ khoáng sản làm VLXD và vật liệu cho sản xuất xi măng tại địa phương theo quy định.

- Tham gia ý kiến về cao độ đáy mỏ để làm căn cứ cho sở Tài nguyên và Môi trường tham mưu cấp giấy phép khai thác khoáng sản.

- Kiểm tra chất lượng các sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng (cát, sỏi, đá) được lưu thông và đưa vào sử dụng trong các công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật.

6. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan và UBND cấp huyện nơi thực hiện dự án tổ chức thẩm định dự án đầu tư về khai thác khoáng sản theo quy định của Luật Đầu tư, Luật Khoáng sản và pháp luật liên quan khác trình UBND tỉnh ban hành Quyết định chủ trương đầu tư theo quy định của pháp luật.

7. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Căn cứ vào phạm vi, chức năng và nhiệm vụ được giao, chịu trách nhiệm trong việc chỉ đạo các đơn vị, cơ quan liên quan thực hiện bảo vệ khoáng sản chưa khai thác trong phạm vi, khu vực đất rừng, đất thuộc hành lang hoặc phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi, đê điều.

8. Sở Giao thông vận tải

Phối hợp với địa phương bảo vệ khoáng sản chưa khai thác nằm trong đất thuộc hành lang hoặc phạm vi bảo vệ công trình giao thông.

9. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

Phối hợp với địa phương bảo vệ khoáng sản chưa khai thác trong các khu vực đất có di tích lịch sử, văn hóa, danh lam thắng cảnh và các khu, điểm du lịch.

10. Bộ chỉ huy quân sự tỉnh

Phối hợp với địa phương bảo vệ khoáng sản chưa khai thác trong các khu vực đất quân sự. Kịp thời phát hiện và báo cáo cơ quan chức năng kiểm tra, xử lý các trường hợp khai thác khoáng sản trái phép trong khu vực đất quân sự.

11. Báo Hà Nam, Đài phát thanh truyền hình Hà Nam

Thông tin, tuyên truyền các quy định pháp luật về khoáng sản; Phương án bảo vệ khoáng sản chưa khai thác. Đăng tải thông tin về công tác quản lý nhà nước đối với tài nguyên khoáng sản; hoạt động khai thác khoáng sản trái phép và chịu trách nhiệm về thông tin đăng tải theo quy định của pháp luật.

12. UBND cấp huyện, UBND cấp xã và hình thức xử lý tập thể, cá nhân để xảy ra tình trạng khai thác, mua bán, vận chuyển khoáng sản trái phép.

12.1. Trách nhiệm của Chủ tịch UBND huyện, thành phố

- Xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện phương án bảo vệ khoáng sản chưa khai thác trên địa bàn.

- Chỉ đạo UBND xã, thị trấn thực hiện các biện pháp bảo vệ khoáng sản chưa khai thác.

- Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về khoáng sản trên địa bàn.

- Thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường, tài nguyên thiên nhiên khác theo quy định của pháp luật; bảo đảm trật tự an toàn xã hội tại khu vực có khoáng sản theo thẩm quyền.

- Tiến hành giải tỏa, ngăn chặn hoạt động khai thác, mua bán, vận chuyển khoáng sản trái phép trên địa bàn mà không giải tỏa dứt điểm, để tái diễn, kéo dài.

- Kiểm tra, xử lý vi phạm pháp luật về khoáng sản theo thẩm quyền. Trường hợp vượt quá thẩm quyền phải báo cáo kịp thời và đề xuất với UBND tỉnh biện pháp xử lý theo quy định của pháp luật.

- Kiểm điểm làm rõ trách nhiệm và xử lý nghiêm đối với tổ chức, cá nhân thuộc quyền quản lý không hoàn thành nhiệm vụ được giao để xảy ra hoạt động khai thác, mua bán, vận chuyển khoáng sản trái phép trên địa bàn.

- Báo cáo định kỳ hoặc đột xuất tình hình quản lý Nhà nước về khoáng sản trên địa bàn, gửi về sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh.

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh khi để xảy ra tình trạng khai thác khoáng sản trái phép trên địa bàn mà không có các biện pháp ngăn chặn, xử lý kịp thời.

12.2. Trách nhiệm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, thị trấn

- Tuyên truyền, phổ biến pháp luật về khoáng sản đến từng người dân; vận động nhân dân địa phương không khai thác, thu mua, tàng trữ, vận chuyển khoáng sản trái phép, phát hiện và tố giác tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản trái phép;

- Thực hiện các biện pháp bảo vệ khoáng sản chưa được phép khai thác hoặc được bảo vệ gìn giữ tài nguyên thiên nhiên theo quy định của pháp luật; bảo đảm trật tự an toàn xã hội tại địa phương; phối hợp với các xã giáp ranh về quản lý hoạt động khoáng sản; tổ chức lực lượng ngăn chặn hoạt động khoáng sản trái phép khi có đề nghị của các địa phương giáp ranh.

- Chỉ đạo các thôn, xóm kịp thời phát hiện và thực hiện các giải pháp ngăn chặn kịp thời hoạt động khoáng sản, mua bán, vận chuyển khoáng sản trái phép trên địa bàn; thông tin, báo cáo UBND cấp xã để kịp thời chỉ đạo xử lý nghiêm hoạt động khai thác khoáng sản trái phép ngay sau khi phát hiện;

- Kiểm tra, xử lý vi phạm pháp luật về khoáng sản theo thẩm quyền. Trường hợp vượt quá thẩm quyền phải báo cáo kịp thời và đề xuất với UBND huyện, thành phố biện pháp xử lý theo quy định của pháp luật; phối hợp với các cơ quan có thẩm quyền trong thanh tra, kiểm tra hoạt động khai thác khoáng sản.

- Báo cáo định kỳ 6 tháng hoặc đột xuất tình hình quản lý, bảo vệ khoáng sản chưa khai thác tại địa phương cho Ủy ban nhân dân huyện, thành phố để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Chủ tịch UBND xã, thị trấn chịu trách nhiệm trước Chủ tịch UBND huyện, thành phố; Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh khi để xảy ra tình trạng khai thác khoáng sản trái phép trên địa bàn mà không có các biện pháp ngăn chặn, xử lý kịp thời.

13. Trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân hoạt động khoáng sản

- Tổ chức, cá nhân được phép hoạt động khoáng sản phải cắm mốc tại thực địa các điểm khếp góc khu vực thăm dò, khai thác khoáng sản theo tọa độ đã ghi trong giấy phép trước khi hoạt động. Vật liệu và kích thước mốc điểm góc khu vực khai thác theo tiêu chuẩn, quy chuẩn mốc trắc địa hạng 4 đối với thăm dò khoáng sản rắn; tiêu chuẩn, quy chuẩn mốc trắc địa hạng 3 đối với khai thác khoáng sản rắn; đối với trường hợp khai thác cát, sỏi lòng sông, việc cắm mốc thực hiện theo tiêu chuẩn, quy chuẩn lĩnh vực giao thông thủy.

- Sau khi hoàn thành việc cắm mốc, tổ chức, cá nhân được phép hoạt động khoáng sản thông báo bằng văn bản đề sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp với

UBND cấp huyện, cấp xã nơi có khoáng sản được khai thác bàn giao mốc tại thực địa. Trường hợp khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp phép của Bộ Tài nguyên và Môi trường phải có đại diện của Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam.

- Tổ chức, cá nhân được phép hoạt động khoáng sản chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu để xảy ra tình trạng khai thác trái phép trong phạm vi được phép hoạt động khoáng sản. Khi phát hiện có hoạt động khai thác khoáng sản trái phép ở ngoài ranh giới khu vực được phép hoạt động khoáng sản phải thông báo ngay cho Ủy ban nhân dân cấp huyện, xã để kịp thời xử lý.

- Tổ chức, cá nhân được phép khai thác khoáng sản có trách nhiệm lưu giữ, bảo vệ khoáng sản đã khai thác nhưng chưa sử dụng, khoáng sản tại bãi thải hoặc khoáng sản đi kèm nhưng chưa thu hồi trong quá trình khai thác. Trường hợp muốn khai thác khoáng sản đi kèm trong quá trình khai thác mà loại khoáng sản đó chưa ghi trong Giấy phép khai thác khoáng sản thì phải gửi văn bản đề nghị đến cơ quan có thẩm quyền cấp phép loại khoáng sản đó để quyết định.

14. Các cơ quan, đơn vị có liên quan

Theo chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của mình thực hiện công tác quản lý hoạt động khoáng sản và công tác bảo vệ tài nguyên khoáng sản chưa khai thác trên địa bàn tỉnh theo quy định.

Kịp thời phát hiện, cung cấp thông tin và phối hợp với UBND cấp huyện, UBND cấp xã và sở Tài nguyên và Môi trường trong việc bảo vệ tài nguyên khoáng sản chưa khai thác.

VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Yêu cầu thủ trưởng các sở, ngành: Tài nguyên và Môi trường, Công thương, Kế hoạch đầu tư, Xây dựng, Giao thông Vận tải, Văn hóa Thể thao và Du lịch, Thông tin và Truyền thông, Tài chính; Cục thuế tỉnh, Công an tỉnh, Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; Báo Hà Nam, Đài truyền hình tỉnh Hà Nam; các tổ chức được cấp Giấy phép thăm dò, Giấy phép khai thác khoáng sản theo chức năng, nhiệm vụ, có trách nhiệm thực hiện nghiêm Phương án bảo vệ khoáng sản chưa khai thác trên địa bàn tỉnh Hà Nam.

2. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường là cơ quan đầu mối: hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, tổng hợp tình hình các đơn vị triển khai thực hiện Phương án bảo vệ khoáng sản chưa khai thác trên địa bàn tỉnh Hà Nam theo đúng quy định; trong quá trình thực hiện kịp thời phát hiện và xử lý những vướng mắc phát sinh (thuộc thẩm quyền) hoặc tổng hợp, báo cáo và đề xuất UBND tỉnh xem xét xử lý hoặc kiến nghị sửa đổi, bổ sung các quy định của UBND tỉnh có liên quan đến quản lý hoạt động khoáng sản và phương án bảo vệ khoáng sản chưa khai thác trên địa bàn tỉnh Hà Nam cho phù hợp tình hình thực tế. /

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

**CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Trương Minh Hiến

CÁC ĐIỂM MỎ ĐÃ ĐƯỢC CẤP GIẤY PHÉP THĂM DÒ

(Phụ lục số 01)

a. Đá vôi làm nguyên liệu sản xuất xi măng:

STT	Tên doanh nghiệp	Tên khu vực	Vị trí	Diện tích (ha)	Ghi chú
1	Công ty CPXM Xuân Thành	Mỏ T35, T36	Xã Thanh Nghị, huyện Thanh Liêm	101,4	
2	Công ty CPXM Thành Thắng	Mỏ T36	Xã Thanh Nghị, huyện Thanh Liêm	21,9	
		Mỏ T25, T35, T12, T14, T17, T18		67,6	
Tổng cộng				190,9	

b. Sét làm nguyên liệu sản xuất xi măng:

STT	Tên doanh nghiệp	Tên khu vực	Vị trí	Diện tích (ha)	Ghi chú
1	Công ty CPXM Xuân Thành	Mỏ T51, T53, T54, T55, T56, T58	Xã Thanh Lưu, Thanh Hương, Liên Sơn, Thanh Tâm, huyện Thanh Liêm	87,17	
2	Công ty CPXM Thành Thắng	Mỏ T51, T53	Xã Thanh Lưu, huyện Thanh Liêm	9,53	
3	Công ty CP XM Vicem Bút Sơn	Mỏ T21 Đồi Thị	Xã Liên Sơn, huyện Kim Bảng	11,82	
4	Công ty CPXM Hoàng Long	Mỏ T58, T59	Xã Liên Sơn, huyện Thanh Liêm	10,89	
Tổng cộng				119,41	

c. Khoáng sản làm VLXD thông thường:

STT	Tên doanh nghiệp	Tên khu vực	Vị trí	Diện tích (ha)	Ghi chú
I. Đá vôi làm VLXD TT				171,91	
Huyện Kim Bảng				58,37	
1	Công ty TNHH Tiên Sơn	Khu vực K2	Núi Thung Gạo, xã Tượng Lĩnh	11,1	
2	Công ty TNHH Đức Nam	Khu vực K4	Núi Quèn Cây Chanh, xã Tân Sơn	12,1	
3	Cty CPĐT BĐS Tiên Lộc	Khu vực K14	Thung Xúc Xiếc, xã Liên Sơn	12,52	
4	Công ty TNHH Sơn Thành Nam	Khu vực K36.1	Thung Canh Nội, xã Thanh Sơn	15,35	
5	Công ty CP Vicem XM Bút Sơn	Khu vực K22.1, K23	Xã Thanh Sơn	7,3	
Huyện Thanh Liêm				113,54	
1	Công ty TNHH PT hạ tầng Việt Hà	Khu vực T9	Thung Cỏ Chầy, xã Thanh Thủy	7,0	
2	Công ty TNHH Châu Giang	Khu vực T14	Thung Hóp, xã Thanh Thủy	14,4	

3	Công ty CPKS Nam Đò	Khu vực T14	Thung Lổ Gió, xã Thanh Thủy	17,0	
4	Công ty CP VLXD Sông Đà	Khu vực T14, T20.1	Thung Lổ Sâu, xã Thanh Thủy	5,5	
5	Công ty CP ĐT CEO	Khu vực T14, T18	Thung Dược, xã Thanh Thủy	12,3	
6	Công ty CP Hạ tầng kỹ thuật Hà Nam	Khu vực T23	Thung Lổ Sâu, xã Thanh Thủy	10,5	
7	Cty CPTMDV KTĐ Hung Lộc	Khu vực T21, T22.1	Thung Lổ Sâu, xã Thanh Thủy	10,3	
8	Cty CP Tân Thanh	Khu vực T22.1, T23	Thung Lổ Sâu, xã Thanh Thủy	10,8	
9	Công ty CP đá Vôi Hà Nam	Khu vực T19, T20.1, T21	Thung Dược, xã Thanh Tân, xã Thanh Nghị	12,14	
10	Cty CP Sông Đà 10	Khu vực T44, T45, T46	Núi Hải Phú, xã Thanh Nghị, xã Thanh Hải	13,6	
II. Sét gạch ngói				34,32	
1	Cty CPĐTPT tập đoàn Nam Thăng Long Hà Nội	Khu vực mô B.1	Xã Mộc Bắc, huyện Duyên Tiên	2,56	
		Khu vực mô B.2.1, B.2.3, B.2.4	Xã Mộc Bắc, huyện Duyên Tiên	31,76	
III. Cát san lấp				5,8	
1	Công ty CP Minh Nghĩa	Khu vực CL8	Xã Chân Lý, huyện Lý Nhân	5,8	

DANH SÁCH CÁC MÔ CẤP PHÉP KHAI THÁC KHOÁNG SẢN

(Phụ lục số 02)

TT	Tên doanh nghiệp	Vị trí mỏ	Thông tin về Giấy phép khai thác						Ghi chú
			Diện tích (ha)	Số giấy phép	Ngày cấp phép	Thời hạn giấy phép	Trữ lượng khai thác(m3)	Công suất khai thác (m3/năm)	
A. ĐÁ VÔI VLXD									
1	Cty CP Vinh Sơn	Núi Đồng Quang, Tuyên Lĩnh	8,60	168	29/10/2010	30/10/2040	4.314.482	132.000	
2	Cty TNHH Hưng Phú	Núi Đồng Quang, Tuyên Lĩnh	10,00	169	29/10/2010	30/10/2040	6.224.477	240.000	
3	Cty TNHH Thống Nhất	Núi Hoa đỏ, Đồng Trầm, Tuyên Lĩnh	4,00	1208	19/10/2015	30/10/2040	1.524.350	80.000	
4	Cty CP Nhà Hà Nội số 28	Núi thung Gạo, Tân Sơn	8,60	70	24/08/2012	24/08/2038	4.423.122	180.000	
5	DN XD Xuân Trường	Núi Than, Tân Sơn	8,40	38	9/6/2015	9/6/2043	4.463.015	160.000	
6	Cty CPSX XNK KS Việt Sơn	Núi Con Trám, Tân Sơn	27,58	60	01/08/2012	01/08/2040	11.870.875	462.000	
7	Cty TNHH Đồng Sơn	Núi thung Gạo, Tân Sơn	9,40	11	30/01/2011	30/01/2032	5.013.094	250.000	
8	Cty CPCB đá Hữu Phước	Núi Đồng Trại, Tân Sơn	5,60	124	6/8/2010	30/07/2040	2.850.181	100.000	
9	Cty cổ phần Lĩnh Sơn	Núi thung Gạo, Tân Sơn	5,00	1207	19/10/2015	30/05/2040	1.935.784	80.000	
10	Cty CP TVĐT XD Hoàng Hà	Núi Quên Cây Chanh, Tân Sơn	9,50	53	29/08/2013	30/08/2042	3.790.048	130.000	
11	Cty CP Chương Dương	Núi Khóm Lạng, Khả Phong	8,60	134	27/08/2010	30/8/2040	3.902.461	140.000	
12	Cty TNHH vận tải Châu Giang	Núi Hang Diêm, Liên Sơn	8,40	16	14/02/2011	28/02/2041	4.695.236	170.000	
13	Cty CP KK Minh Đức 6	Núi Hang Diêm, Liên Sơn	18,00	167	29/10/2010	29/10/2040	15.504.907	400.000	
14	Cty CP XM Nội Thương	Thung Đốt, Liên Sơn	10,30	33	6/12/2012	30/04/2041	8.718.681	310.000	
15	Cty TNHH Thái Sơn	Núi Hang Diêm, Liên Sơn	7,00	485	13/05/2015	19/8/2040	5.011.147	200.000	
16	Cty TNHH MTV SX&KD VLXD Hà Nam	Núi Nhà Dê, Liên Sơn	12,90	75	12/10/2016	31/07/2027	4.163.820	231.000	
17	Cty CP ĐT XD giao thông 577	Núi Hồ Trúng, Thanh Sơn	9,60	50	12/07/2012	12/07/2042	4.902.860	175.000	
18	Công ty TNHH Huy Hoàng	Thung Lụi, Thanh Sơn	8,60	59	01/08/2012	01/08/2042	5.380.000	190.000	
19	Công ty TNHH Phong Dân	Thung Hầm, Thanh Sơn	10,00	29	30/05/2012	30/05/2042	10.518.115	300.000	
20	Cty CP KTCB Đá Minh Sơn	Độc Công Trời, Thanh Sơn	3,30	13	18/02/2011	18/02/2028	966.468	60.000	
21	Cty cổ phần Hùng Sơn	Thung Trúng, Thanh Sơn	10,00	57	19/08/2011	19/08/2041	12.858.100	350.000	

22	Cty TNHH Nam Sơn	Núi Mâm Xôi, Thanh Sơn	5,50	24	04/05/2011	04/05/2038	2.652.159	100.000
23	Cty CPKS Thăng Long	Thung Hầm, Thanh Sơn	14,50	154	1/10/2010	30/10/2040	11.527.462	350.000
24	Cty CP TM&ĐT Thanh Sơn	Thung Canh Nội, Thanh Sơn	10,00	24	23/05/2012	23/05/2041	4.993.742	180.000
25	Cty TNHH Trung Kiên	Hồ Trùng, Thanh Sơn	6,70	47	12/08/2013	12/08/2043	5.019.176	170.000
26	Công ty TNHH Thi Sơn	Núi Voi, Ba Chảo, Thanh Sơn	4,42	56	08/08/2016	08/08/2036	1.694.943	80.000
27	Cty TNHH Hoàng Nguyên	Thung Hầm, Thanh Sơn	9,94	62	01/08/2012	01/08/2015	11.389.273	350.000
28	Công ty CP khoáng sản Tân Thủy	K.36.1 Thanh Sơn, KB-Kiên Khê, TL	18,52	12	5/2/2016	5/2/2046	13.140.046	490.000
29	Công ty CP Bình Minh	K36.1, thung Canh Nội, Thanh Sơn	11,30	70	06/10/2017	06/10/2047	8.409.251	300.000
30	Công ty TNHH Xuân Trường	Núi Bàu Quanh, Kiện Khê	10,30	48	12/07/2012	12/07/2042	6.404.545	200.000
31	Cty CP KTCB đá Thông Đạt	Thung Bàu, Kiện Khê	12,50	136	28/12/2009	31/12/2039	7.329.179	250.000
32	Cty CP Vinh Nguyên	Thung Cỏ Chầy, Kiện Khê	8,20	201	28/02/2011	28/02/2041	6.729.038	250.000
33	Cty CP Sơn Hải	Thung Bàu, Kiện Khê	5,91	52	29/08/2013	29/08/2043	3.746.215	122.400
34	CN CTY CPXD số 12 Hà Nam	Núi Ông Cụt, Kiện Khê	3,74	35	27/5/2016	27/5/2032	1.563.422	100.000
35	Công ty CPVLXD Thanh Liêm	Thung Mỏ, Thanh Thủy	5,45	4	19/1/2016	19/1/2037	2.041.943	100.000
36	Cty TNHH Sơn Hữu	Núi Ông Voi, Thanh Thủy	10,00	49	12/07/2012	12/07/2042	3.940.304	130.000
37	Công ty TNHH Trường Sơn	Đền Bà Oanh, Thanh thủy	7,10	58	01/08/2012	01/08/2041	4.673.323	168.300
38	Cty CP Châu Giang	Núi Bà Đằm, Thanh Thủy	6,10	189	12/10/2010	31/12/2038	4.923.405	180.000
39	Cty TNHH Sơn Thủy	Núi Bà Đằm, Thanh Thủy	3,94	194	21/12/2010	31/12/2036	2.671.046	112.000
40	Cty MTVĐXD Transmeco	Núi Ông Voi, Thanh Thủy	14,0	58	19/08/2011	19/08/2041	11.423.676	350.000
41	Cty TNHH Hồng Hà	Đền Bà Oanh, Thanh Thủy	8,00	137	31/08/2010	31/08/2040	8.933.080	250.000
42	Cty TNHH Xuân Tùng	Thung Lỗ Sầu, Thanh Thủy	13,40	75	31/08/2009	31/12/2039	13.166.550	360.000
43	Cty CP XNK Havico	Núi Bảy ngọn, Thanh thủy	11,40	141	28/12/2009	31/12/2029	8.829.090	400.000
44	Cty TNHH Tân Thủy	Thung Đặng, Thanh Thủy	14,00	63	08/03/2009	28/2/2027	9.558.232	450.000
45	Cty CP XNK Hà Nam	Thung Lỗ sầu, Thanh thủy	11,60	193	21/12/2010	21/12/2040	6.704.434	120.000
46	Cty CP KS Nam Hà	Thung Cối, Thanh Thủy	15,00	35	29/05/2009	30/06/2039	15.509.000	440.000
47	Cty CPĐT Sông Đà Việt Đức	Núi Bà Đằm, Thanh Thủy	7,70	28	30/05/2012	30/05/2037	4.585.698	204.000
48	Công ty CP Tập đoàn TV ĐTXD Hải Lý	Bắc Ông Voi, Thanh thủy	7,00	66	09/12/2013	09/12/2042	3.878.691	135.000

49	Cty CP Hoa Đức	Thung Rói, Thanh Tân	10,50	51	12/07/2012	12/07/2042	10.753.650	306.000
50	Cty CP KS Lộc Hà	Thung Dầu, Thanh Tân	9,03	62	08/03/2009	30/08/2039	7.125.837	200.000
51	Cty CP ĐT VLXD Hồng Hà	Thung Dầu, Thanh Tân	9,40	25	04/05/2011	04/05/2039	7.152.893	255.000
52	Cty CP Nam Kinh	Núi Nam Công, Thanh Tân	44,70	36	29/05/2009	30/06/2039	29.546.487	450.000
53	Cty TNHH Việt Ngọc	Thung Rói, Thanh Tân	3,50	195	21/12/2010	31/12/2034	2.456.710	112.000
54	Cty TNHH Tân Phú Đông	Thung Rói, Thanh Tân	8,16	178	16/11/2010	31/12/2040	4.168.196	145.000
55	Cty TNHH Cảnh Cường Thịnh	Thung Rói, Thanh Tân	8,10	31	24/03/2010	30/03/2032	5.531.511	250.000
56	Công ty TNHH Thanh Tâm	Núi Cấm, Thanh Hải	11,10	363	7/4/2015	31/8/2018	4.648.794	132.000
57	Cty CPĐT&PT Bắc Hà	Núi Hải Phú, Thanh Hải	12,50	56	19/08/2011	19/08/2041	5.781.149	200.000
58	Cty CPSVLXD Khả Phong	Núi Hải Phú, Thanh Hải	7,85	41	04/05/2010	30/04/2040	5.226.965	180.000
59	Cty TNHH in & bao bì Bảo Tiến	Núi Hải Phú, Thanh Hải	5,90	40	04/05/2010	30/04/2040	3.519.815	125.000
60	Cty TNHH Tuấn Mười	Núi Hải Phú, Thanh Hải	5,90	54	21/07/2009	30/07/2028	2.362.940	150.000
61	Cty TNHH Thành Thắng	Núi Hải Phú, Thanh Hải	15,60	53	21/07/2009	30/07/2039	5.416.762	230.000
62	Công ty TNHH Đại Phú Thịnh	Núi Cấm, Thanh Hải	13,00	25	23/05/2012	23/05/2042	4.848.941	170.000
63	Cty CP địa ốc Sunrise	Núi Mỏ Bò, Thanh Nghệ	11,30	22	23/05/2012	23/05/2042	10.069.684	306.000
64	Cty TNHH Thành Công	Núi Mỏ Bò, Thanh Nghệ	8,00	26	23/05/2012	23/05/2042	3.950.626	140.000
65	Công ty TNHH KS Trang Huy	T46, Núi Hải Phú, Thanh Hải, T. Nghệ	18,80	48	18/7/2016	18/7/2046	13.000.000	450.000
66	DN XD Xuân Trường	Núi Khoằm, Thanh Sơn	0,95	45	13/7/2016	13/7/2021	225.000	45.000
67	Cty TNHH KT đá Hồng Sơn	Núi Khoằm, Thanh Sơn	1,20	50	19/8/2011	31/8/2020	449.251	49.000
68	Công ty TNHH Hùng Cường	Thung Hầm, Thanh Sơn	0,50	55	29/7/2016	29/7/2019	105.000	30.000
69	Công ty CP Tập đoàn TV ĐTXD Hải Lý	Núi Bất Nghi, Kiện Khê	0,48	29	9/5/2016	30/4/2019	120.000	40.000
70	Công ty TNHH Thượng Hải	Núi Chóp Chài, Kiện Khê	0,78	78	30/10/2015	30/10/2018	107.360	40.000
71	Công ty TNHH Xuân Trường	Núi Đồng Cầm, Kiện Khê	0,87	52	19/8/2011	31/8/2018	354.366	45.000
72	CN C.ty CP Licogi 12- XNSVLXD Hà Nam	Núi Bất Nghi, Thanh Thủy	2,20	4	16/1/2015	16/1/2018	668.626	100.000
73	Công ty TNHH Sơn Hải	Núi Quên Lương, Thanh Thủy	0,50	57	17/8/2016	17/2/2019	85.441	35.000
74	Công ty CP đá vôi Hà Nam	Núi Đâu Bò, Thanh Thủy	3,03	99	30/12/2015	30/12/2018	135.000	45.000
75	Công ty TNHH KTKS Nam Sơn	Thung Rói, Thanh Tân	1,05	63	6/9/2016	6/9/2021	292.442	48.000

76	Công ty CP Hoàng Phương	Thung Rói, Thanh Nghi	0,87	101	31/12/2015	31/12/2018	237.577	60.000
			656,95				436.809.169	15.019.700
	B. SÉT XI MĂNG							
77	Cty TNHH Thi Sơn	Thung Bo, Liên Sơn	8,10	21	14/03/2011	14/03/2040	1.489.268	52.200
			8,10				1.489.268	52.200
	C. SÉT GẠCH NGÓI							
78	Cty Thanh Hòa Đại Dương	Đầm Đâu Voi Đầm Dâu, T.Hải	16,20	49	15/04/2010	15/04/2027	485.700	30.000
79	Cty TNHH Đại Hoàng	Đức Thông, Chân Lý	13,94	37	20/06/2013	20/06/2033	684.138	28.000
80	Cty CP Nhân Hòa	BB sông Hồng, Phú Phúc	16,00	36	20/6/2013	20/6/2028	627.150	41.810
81	Công ty xây lắp Hà Nam	BB Sông Hồng, Mộc Bắc	8,40	74	14/10/2015	31/12/2021	217.775	30.000
82	Công ty Cp gạch Nhân Hòa	BB Sông Hồng, Hòa Hậu	13,59	26	26/04/2013	30/06/2018	285.272	12.000
83	Cty CP SXVLXD Lý Nhân	Bãi đất màu, Nhân Mỹ	7,80	40	25/06/2012	30/10/2018	141.845	20.000
84	Công ty cổ phần Nam Sơn	BB sông Hồng xã Nhân Thịnh	10,00	39	16/6/2016	28/3/2021	145.982	32.000
85	Công ty cổ phần ĐT&PT Bắc Hà	Thanh Bồng, Thanh Nghi, Thanh Liêm	12,80	51	12/7/2017	12/7/2042	1.187.199	55.000
			98,73				3.775.061	248.810
	D. CÁT XÂY DỰNG							
86	Công ty CP KS VLM mới Tiến Lộc	BB sông Hồng, Chân Lý	15,50	67	17/11/2014	17/11/2030	727.831	49.852
			15,50				727.831	49.852
	E. VL SAN LẤP							
87	DN XD Xuân Trường	Núi Cột Vượng	4,24	47	21/7/2015	21/7/2020	1.492.914	49.000
88	Công ty CPKTCB đá Minh Sơn	Núi Gọng Vôi, Thanh Sơn	1,30	46	13/7/2016	13/7/2021	150.000	30.000
89	Công ty CPĐT Phát triển Thành Đạt	B.4.2, BB sông Hồng, Mộc Bắc	18,50	22	18/3/2016	20/3/2028	1.196.482	98.000
90	Công ty CPĐT Phát triển Thành Đạt	B.4.1, BB sông Hồng, Mộc Bắc	34,77	54	29/7/2016	29/7/2020	1.952.808	180.000
91	Công ty cổ phần Báo Chung	B.4.3, BB sông Hồng, Mộc Bắc	11,10	37	31/5/2016	31/5/2028	563.515	48.000
92	Cty TNHH ĐTXD và PT Xuân Thành	Đồi Cửa rừng, Thanh Nghi	22,85	62a	8/1/2012	8/1/2020	9.188.193	450.000
93	Cty MTV Phú Gia Hà Nam	BB sông Hồng, Chân Lý	8,00	58	30/09/2013	13/10/2020	297.303	25.620
94	Công ty TNHH Đồng Phát	BB sông Hồng, Chân Lý	4,16	50	11/8/2014	11/8/2018	83.277	24.000

95	Công ty CPĐT Tam Hà	BB sông Hồng, Chân Lý	7,91	81	25/12/2014	22/12/2019	185.270	40.700	
96	Cty TNHH KTKS Cát Đại Lợi Hà Nam	NT6.5 BB sông Hồng, Nhân Thịnh	18,23	12	28/2/2017	18/2/2029	795.189	65.000	
			131,06				15.720.692	1.010.320	
	Cộng UBND tỉnh cấp		910,34				458.522.021	16.380.882	
	ĐÁ VÔI XI MĂNG								
1	Cty CP xi măng Bút Sơn	1- Núi Hồng Sơn - Thanh Sơn - KB	103,00	337	26/4/1995	26/4/2025	57.863.000	1.725.000	
		2- Rừng Bương - Liên Sơn - KB	40,00	1609	6/9/2010	30/9/2040	56.474.370	1.964.386	
2	Cty CP xi măng Vissai Hà Nam	3- Thung Hóp - Thanh Thủy-TL	40,00	14	8/1/2010	30/01/2040	33.303.600	1.149.984	
		4- Thanh Tân- Thanh Liêm	34,69	104	23/1/2017	23/1/2047	34.131.948	29.560.176	
3	Cty CPXM Hoàng Long	5- Đồng Mít, Thanh Nghi, TL	9,90	1604	8/12/2008	8/12/2038	13.670.425	450.000	
4	Cty CP XM Kien Khê	6- Kien Khê, Thanh Thủy-TL	11,15	1502	9/11/2012	9/11/2042	3.894.758	134.302	
			238,74				199.338.101	34.983.848	
	SÉT XI MĂNG								
5	Cty CP xi măng Bút Sơn	7- Núi I, II - Khả Phong- KB	27,00	337	26/4/1995	26/4/2025	4.605.000	464.000	
		8-Liên Sơn-Ba Sao - Kim Bảng	85,20	1169	20/6/2011	20/6/2041	10.805.872	259.140	
6	Cty CP xi măng Vissai Hà Nam	9- Thanh Lưu - Thanh Liêm	10,00	2416	16/12/2009	16/12/2039	1.916.462	65.100	
			122,20				17.327.334	788.240	
	Cộng Bộ TNMT cấp		366,6				216.665.435	35.772.088	
	Tổng cộng		1.276,94				675.187.456	52.152.970	

CÁC KHU VỰC KHOÁNG SẢN ĐÃ ĐƯỢC ĐIỀU TRA, ĐÁNH GIÁ

(Phụ lục số 03)

TT	Tên mỏ và số hiệu mỏ	Địa chỉ	Diện tích (ha)	Ghi chú
I	Đá vôi xi măng		950,77	
1	Khu vực T12	Xã Thanh Thùy, huyện Thanh Liêm	71,19	
2	Khu vực T18	Xã Thanh Thùy, huyện Thanh Liêm	20	
3	Khu vực T22	Xã Thanh Tân, huyện Thanh Liêm	41,23	
4	Khu vực T24	Xã Thanh Tân, huyện Thanh Liêm	48,11	
5	Khu vực T28	Xã Thanh Tân, huyện Thanh Liêm	116,19	
6	Khu vực T35	Xã Thanh Nghị, huyện Thanh Liêm	140,96	
7	Khu vực T36	Xã Thanh Nghị, huyện Thanh Liêm	116,54	
8	Khu vực K6	Xã Tân Sơn, xã Khả Phong, huyện Kim Bảng	49,55	
9	Khu vực K15	Xã Liên Sơn, huyện Kim Bảng	36,36	
10	Khu vực K19	Xã Liên Sơn, huyện Kim Bảng	147,24	
11	Khu vực K21	Xã Liên Sơn, huyện Kim Bảng	58,07	
12	Khu vực K36	Xã Liên Sơn, xã Thanh Sơn huyện Kim Bảng	105,33	
II	Sét xi măng		301	
1	Khu vực K12	TT Ba Sao, Liên Sơn, huyện Kim Bảng	97,29	
2	Khu vực K29	TT Ba Sao, huyện Kim Bảng	30,2	
3	Khu vực K54	TT Ba Sao, huyện Kim Bảng	46,49	
4	Khu vực T32	Xã Thanh Tân, Thanh Nghị, huyện Thanh Liêm	79,42	
5	Khu vực T30	Xã Thanh Tân, Thanh Nghị, huyện Thanh Liêm	47,6	
III	Đá vôi làm VLXDĐT		2.249,41	
1	Mỏ đá vôi xây dựng Bắc Tân Lang K.2	Tượng Lĩnh, Tân Sơn	111.1	
2	Mỏ dolomit Tân Lang K.3	Tân Sơn	150.6	
3	Mỏ đá xây dựng Bắc Tân Lang K.4	Tượng Lĩnh, Tân Sơn	36.09	
4	Mỏ đá xây dựng thôn Vòng K.7	Tân Sơn, Khả Phong	12.21	
5	Mỏ đá vôi xi măng Đông xóm Suối Ngang (K.14)	Liên Sơn, Ba Sao	81.69	
6	Mỏ đá xây dựng Hang Diêm K.15.1	Liên Sơn	149.3	
7	Mỏ đá xây dựng Đông Nam	Liên Sơn	8.5	

	xóm Suối Ngang (K.16)			
8	Mỏ đá xây dựng Liên Sơn K.21.1	Liên Sơn	12.9	
9	Mỏ đá xây dựng Tây Hồ Trúng K.22	Liên Sơn	89.8	
10	Mỏ đá xây dựng Nam Hồ Trúng K.36.1	Liên Sơn	179	
11	Mỏ đá xây dựng Tây Nam Hồng Sơn K.37	Thanh Sơn	37.66	
12	Mỏ đá xây dựng Bút Sơn – Lạt Sơn K.25	Thanh Sơn	89.12	
13	Mỏ đá xây dựng Thung Bờ Đo K.42	Thanh Sơn	9.9	
14	Mỏ Đông Thung Đôn (T.3)	Kiện Khê, Thanh Thủy	55.29	
15	Mỏ đá xây dựng Đông Bắc Thung Đôn (T.4)	Kiện Khê	16.66	
16	Mỏ Núi Hâm – Núi Tây Hà (T.5)	Kiện Khê	33.24	
17	Mỏ đá xây dựng Đông Nam Thung Đôn (T.6)	Kiện Khê, Thanh Thủy	17.34	
18	Mỏ đá xây dựng Núi Tây Hà (T.7)	Kiện Khê, Thanh Thủy	21.69	
19	Mỏ Thung Cỏ Chày (T.9)	Kiện Khê, Thanh Thủy	15.2	
20	Mỏ đá xây dựng núi Hang Bụt, núi Đầu Bò (T.10)	Thanh Thủy	12	
21	Mỏ đá vôi xây dựng Đông Ao (T.11)	Thanh Thủy, Thanh Tân	29	
22	Mỏ đá xây dựng Núi Ông Voi (T.14)	Thanh Thủy	192.44	
23	Mỏ Núi bảy Ngọn (T.15)	Thanh Thủy	5.0	
24	Mỏ đá xây dựng Núi Bà Đám (T.16)	Thanh Thủy	14.8	
24	Mỏ đá xây dựng Núi Nhọ Nồi (T.17)	Thanh Thủy	152.2	
25	Mỏ Tây Bắc Thung Dược (T.18)	Thanh Thủy	20.8	
26	Mỏ đá XD Đông Thung Dược (T.19)	Thanh Thủy	41.48	
27	Mỏ Cổng Trời (T.20)	Thanh Thủy	71.98	
28	Mỏ đá XD Thung Chu Văn Luận (T.21)	Thanh Thủy, Thanh Tân	40.06	
29	Mỏ đá XD Núi Bảy Ngọn – Đông Núi Voi Đá (T.23)	Thanh Thủy, Thanh Tân	190.3	
30	Mỏ đá XD thôn Nam Công (T.25)	Thanh Tân, Thanh Nghị	171.6	
31	Mỏ Thanh Bồng (T.42)	Thanh Nghị	21.04	
32	Mỏ đá xây dựng Tây Hải Phú (T.44)	Thanh Nghị, Thanh Hải	16.12	
33	Mỏ đá xây dựng Thanh Bồng	Thanh Nghị, Thanh Hải	90.35	

	- Hải Phú (T.46)			
34	Mỏ đá xây dựng Núi Chùa (t.47)	Thanh Nghị, Thanh Hải	22.4	
35	Mỏ đá xây dựng Tây Hiếu Hạ (T.48)	Thanh Hải	30.55	
IV	Sét gạch ngói		379,16	
1	Mỏ sét bãi bồi sông Đáy	Xã Khả Phong, Kim Bảng	3.6	
2	Mỏ sét Mộc Bắc (B.1)	Xã Mộc Bắc, Duy Tiên	15.6	
3	Mỏ sét Mộc Bắc (B.2)	Xã Mộc Bắc, Duy Tiên	87.3	
4	Mỏ sét xã Nguyễn Lý (NL2, NL3)	Xã Nguyễn Lý, Lý Nhân	42.1	
5	Mỏ sét xã Chân Lý (CL2, CL3, CL6)	Xã Chân Lý, Lý Nhân	41.36	
6	Mỏ sét xã Nhân Đạo (ND3, ND4, ND5)	Xã Nhân Đạo, Lý Nhân	81	
7	Mỏ sét xã Nhân Thịnh (NT2)	Xã Nhân Thịnh, Lý Nhân	24.2	
8	Mỏ sét xã Phú Phúc (PP9, PP11)	Xã Phú Phúc, Lý Nhân	84	
V	Cát Xây dựng		4,5	
1	Mỏ cát xã Chân Lý (CL.9)	Xã Chân Lý, Lý Nhân	4.5	
VI	Vật liệu san lấp		786,63	
1	Mỏ đất đá thung Đồng Gơ (K.43)	Thanh Sơn, Kim Bảng	49.95	
2	Mỏ đất đá Thung Bè (K.44)	Thanh Sơn, Kim Bảng	24.40	
3	Mỏ đất đá san lấp Nam Núi Cửa Hàng (T.26)	Thanh Tân	91.93	
4	Mỏ đất đá san lấp Núi Mũi - Thung Sim (T.29)	Thanh Tân, Thanh Nghị	173.2	
5	Mỏ đất đá san lấp Núi Lụi - Đồi Ba Gạc (T.33)	Thanh Tân, Thanh Nghị	174.3	
6	Mỏ đất đá san lấp Thôn Thanh Bông (T.39)	Thanh Nghị	41.77	
7	Mỏ đất đá san lấp thôn Bông Lạng Hạ (T.43)	Thanh Nghị	121.4	
8	Mỏ đất đá san lấp Thôn Hải Phú (T.45)	Thanh Nghị, Thanh Hải	29.38	
9	Mỏ đất Thung Đồng Gian (K.40)	Xã Thanh Sơn, Kim Bảng	13.15	
10	Mỏ cát xã Nhân Thịnh (NT.6)	Xã Nhân Thịnh, Lý Nhân	67,15	

**CÁC KHU VỰC CẤM, TẠM CẤM HOẠT ĐỘNG KHOÁNG SẢN
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH HÀ NAM**

(Phụ lục số 04)

TT	Tên khu vực	Vị trí	Số điểm cấm, tạm cấm	Diện tích KVC (ha)	Đối tượng cấm hoạt động khoáng sản
I	Huyện Thanh Liêm				
1	KVC-TL-01	TT Kiện Khê	1	6,48	Cảnh quan môi trường
2	KVC-TL-02	TT Kiện Khê và Xã Thanh Thủy	2	38,12	Cảnh quan môi trường
3	KVC-TL-03	Xã Thanh Thủy	1	62,14	Đền thờ, cảnh quan môi trường
4	KVC-TL-04	Xã Thanh Thủy	2	22,38	Cảnh quan môi trường
5	KVC-TL-05	Xã Thanh Thủy và xã Thanh Tân	2	68,57	Rừng phòng hộ, đình, chùa
6	KVC-TL-06	Xã Thanh Tân	1	57,7	Rừng phòng hộ
7	KVC-TL-07	Xã Thanh Tân và xã Thanh Nghị	1	21,77	Cảnh quan môi trường
8	KVC-TL-08	Xã Thanh Tân	1	2,02	Đất quốc phòng, Cảnh quan môi trường.
9	KVC-TL-09	Xã Thanh Nghị	1	50,64	Rừng phòng hộ, di tích lịch sử, cảnh quan môi trường.
10	KVC-TL-10	Xã Thanh Nghị	1	241,75	Đất quốc phòng, rừng phòng hộ, cảnh quan môi trường.
11	KVC-TL-11	Xã Thanh Nghị	2	20,45	Cảnh quan môi trường
12	KVC-TL-12	Xã Thanh Nghị	6	6,3	Cảnh quan môi trường
13	KVC-TL-13	Xã Thanh Nghị và xã Thanh Hải	1	16,65	Cảnh quan môi trường
14	KVC-TL-14	Xã Thanh Hải	3	55,31	Điểm khu vực bố trí phòng thủ của tỉnh, rừng phòng hộ

15	KVC-TL-15	Xã Thanh Hải	2	52,9	Cảnh quan môi trường
16	KVC-TL-16	Xã Thanh Hải	7	34,85	Di tích Kẽm Trống, rừng phòng hộ
17	KVC-TL-17	Xã Thanh Lưu, xã Liêm Sơn	1	72,77	Điểm khu vực bố trí phòng thủ của tỉnh
18	KVC-TL-18	Xã Thanh Hương, xã Liêm Sơn và xã Thanh Tâm	1	60,31	Điểm khu vực bố trí phòng thủ của tỉnh
19	KVC-TL-19	Xã Thanh Tâm và xã Liêm Sơn	1	55,78	Điểm khu vực bố trí phòng thủ của tỉnh
20	KVC-TL-20	Xã Thanh Tâm và xã Liêm Sơn	1	11,96	Di tích lịch sử, tâm linh
21	KVC-TL-21	Xã Liêm Cần, xã Thanh Bình và xã Thanh Lưu.	10	41,52	Khu vực bố trí phòng thủ của tỉnh, rừng phòng hộ, đình Lãng.
	Tổng cộng		48	998,87	
II	Huyện Kim Bảng				
1	KVC-KB-01	Xã Tượng Lĩnh	6	29,91	Rừng phòng hộ, đình, chùa, cảnh quan môi trường.
2	KVC-KB-02	Xã Tân Sơn	2	35,55	Rừng phòng hộ, đình, chùa, cảnh quan môi trường.
3	KVC-KB-03	Xã Tân Sơn	1	18,67	Đất quốc phòng, cảnh quan môi trường.
4	KVC-KB-04	Xã Tân Sơn, xã Khả Phong, TT Ba Sao	1	337,5	Điểm khu vực bố trí phòng thủ của tỉnh, rừng phòng hộ, cảnh quan môi trường.
5	KVC-KB-05	Xã Khả Phong, TT Ba Sao, xã Liên Sơn	1	228,86	Điểm khu vực bố trí phòng thủ của tỉnh, rừng phòng hộ, cảnh quan môi trường.
6	KVC-KB-06	Xã Thi Sơn, xã Liên Sơn	3	206,65	Điểm khu vực bố trí phòng thủ của tỉnh, rừng phòng hộ, di tích.
7	KVC-KB-07	TT Ba Sao	11	833,4	Đất quốc phòng, Điểm khu vực bố trí phòng thủ của tỉnh, Du lịch, rừng phòng hộ.

8	KVC-KB-08	TT Ba Sao	2	217,9	Đất quốc phòng, Điểm khu vực bố trí phòng thủ của tỉnh, Du lịch, rừng phòng hộ.
9	KVC-KB-09	Xã Liên Sơn	1	175,57	Rừng phòng hộ, cảnh quan môi trường.
10	KVC-KB-10	Xã Liên Sơn, xã Thanh Sơn	3	73,09	Điểm khu vực bố trí phòng thủ của tỉnh, du lịch, rừng phòng hộ.
11	KVC-KB-11	Xã Thanh Sơn	4	36,37	Cảnh quan môi trường
12	KVC-KB-12	TT Ba Sao, xã Liên Sơn và xã Thanh Sơn	1	1.264,87	Rừng phòng hộ
13	KVC-KB-13	Xã Thanh Sơn	1	282,38	Đất quốc phòng
14	KVC-KB-14	Xã Tân Sơn	1	5,55	Đất quốc phòng, cảnh quan môi trường.
	Tổng cộng		38	3.746,27	
III	Huyện Lý Nhân				
1	KVC-LN-01	Xã Chính Lý xã Nguyên Lý	2	9,81	Hành lang bảo vệ đê.
2	KVC-LN-02	Xã Nguyên Lý và xã Đạo Lý	1	7,03	Hành lang bảo vệ đê.
3	KVC-LN-03	Xã Đạo Lý và xã Chân Lý	4	12,04	Hành lang bảo vệ đê.
4	KVC-LN-04	Xã Chân Lý	2	9,68	Hành lang bảo vệ đê.
5	KVC-LN-05	Xã Chân Lý	2	7,19	Hành lang bảo vệ đê.
6	KVC-LN-6	Xã Nhân Đạo	2	8,88	Hành lang bảo vệ đê.
7	KVC-LN-7	Xã Nhân Thịnh	1	4,88	Hành lang bảo vệ đê.
8	KVC-LN-8	Xã Nhân Thịnh và xã Phú Phúc	2	34,76	Hành lang bảo vệ đê.
9	KVC-LN-9	Xã Phú Phúc và xã Hòa Hậu	1	8,61	Hành lang bảo vệ đê.
	Tổng cộng		17	102,88	
IV	Huyện Duy Tiên				
1	KVC-DT-01	Xã Đọi Sơn	1	28,35	Đất quốc phòng; Chùa Long Đọi Sơn

2	KVC-DT-02	Xã Mộc Bắc	3	6,35	Hành lang bảo vệ đê.
3	KVC-DT-03	Xã Mộc Bắc và xã Mộc Nam	7	4,6	Hành lang bảo vệ đê
4	KVC-DT-04	Xã Mộc Nam và xã Chuyên Ngoại	6	5,86	Hành lang bảo vệ đê.
5	KVC-DT-05	Xã Chuyên ngoại	4	10,97	Hành lang bảo vệ đê.
	Tổng cộng		21	56,13	

CÁC ĐIỂM MỎ ĐÁ CHÁM DỨT HIỆU LỰC GIẤY PHÉP CẦN ĐƯỢC BẢO VỆ

Phụ lục 05

TT	Tên đơn vị	Vị trí mỏ	Số GP	Ngày cấp phép	Thời hạn khai thác	Diện tích (ha)	Ghi chú
I	HUYỆN KIM BẢNG					20,675	
1	Công ty TNHH Hoàng Sơn	Núi Gọng Vối, Thanh Sơn, KB	32	24/3/2010	30/3/2013	1	
2	Công ty CP XD và KS Thiên Sơn	Núi Gọng Vối, Thanh Sơn, KB	15	4/4/2012	28/2/2013	1,2	
3	Cty CP KTCB đá Hữu Phước	Cật Vượng, Tân Sơn, KB	8	01/09/2007	30/1/2010	0,48	
4	Công ty TNHH Hà Thành	Đồi Vàng, Ba Sao, KB	208	29/12/2006	31/12/2009	1,44	
5	Công ty CP Đông Á	Lân Trúc, Liên Sơn, KB	28	09/02/2007	28/02/2010	0,375	
6	Công ty CP 77	Đồi Con Trám, Liên Sơn, KB	77	4/7/2008	31/7/2011	4	
7	Công ty CP 77	Núi Thung Đót, Liên Sơn, KB	60	27/7/2009	30/3/2011	1,37	
8	Công ty TNHH Hoàng Nguyên	Lân Chúc, Liên Sơn, KB	10	31/1/2008	28/2/2011	0,5	
9	Công ty TNHH Trường Giang	Ghánh Khói, Thanh Sơn, KB	73	26/5/2006	30/6/2008	0,4	
10	Công ty TNHH Thiên Sơn	Núi Gọng Vối, Thanh Sơn, KB	83	6/11/2010	28/2/2012	0,65	
11	DN XD Xuân Trường	Núi Phú Huệ, Thanh Sơn, KB	59	26/4/2006	31/12/2007	0,68	
12	Công ty TNHH Trịnh Xuân	Thung trứng, Thanh Sơn, KB	100	21/6/2006	30/6/2009	0,6	
13	Tổ hợp KT, CB đá Hùng Sơn	Ba Bặc, Thanh Sơn, KB	169	08/11/2006	08/01/2009	0,28	
14	Cty CP KTCB đá Hữu Phước	Núi Than, Tân Sơn, KB	108	3/11/2009	30/11/2012	0,7	
15	Công ty TNHH Duy Nhất	Núi Cật Vượng, Tân Sơn, KB	1	6/1/2016	31/12/2017	0,4	
16	Xí nghiệp XM Nội Thương	Đồi Thị, Liên Sơn, KB	100	6/8/2008	30/10/2011	2,4	
17	Công ty CP 77	Đồi Lò Vối, Liên Sơn, KB	59	27/7/2009	30/3/2011	0,49	
18	DN XD Xuân Trường	Núi Mâm Xôi, Thanh Sơn, KB	16	5/2/2010	31/12/2011	1,03	
19	Công ty TNHH Cao Nguyên	Thung Lạ, Thanh Sơn, KB	54	19/8/2011	28/2/2015	0,68	
20	Công ty TNHH Thái Sơn	Gọng Vối, Thanh Sơn, KB	43	4/7/2012	30/6/2017	1	
21	Công ty TNHH Thái Sơn	Núi Gọng Vối, Thanh Sơn, KB	129	15/12/2009	31/12/2011	1	

TT	Tên đơn vị	Vị trí mỏ	Số GP	Ngày cấp phép	Thời hạn khai thác	Diện tích (ha)	Ghi chú
II	HUYỆN THANH LIÊM					54,9	
1	Công ty TNHH Tân Lập	Núi Bát Nghi, Kiên Khê, TL	12	14/2/2011	31/12/2012	0,7	
2	Cty TNHH TVĐTXD Hải Lý	Núi Chóp Chài, Kiên Khê, TL	45	5/8/2011	31/8/2019	1,8	
3	Cty TNHH TVĐá XD Transmeco	Núi Đồng Ao, ThThủy, TL	53	27/07/2012	30/07/2014	8,1	
4	Công ty TNHH Trường Phát	Núi Quên Lường, ThThủy, TL	90	21/11/2012	21/11/2014	0,4	
5	Công ty CPXM Hoàng Long	Núi ở gà, Thanh Lưu, TL	97	21/10/2009	31/12/2012	2,30	
6	Công ty CPXD Thủy Lợi Hà Nam	Thung bầu, Kiên Khê, TL	48	6/5/2008	30/11/2009	1,5	
7	Công ty TNHH KT đá Đồng Ao	Núi Con Lợn, Thanh Nghị, TL	123	10/2/2008	30/10/2011	2	
8	Công ty TNHH MTV Vinashin	Quên Vống, Thanh Thủy, TL	4	17/01/2008	30/01/2011	2,78	
9	Công ty TNHH MTV Vinashin	Quên Vống, Thanh Thủy, TL	5	17/01/2008	31/01/2011	2,67	
10	Công ty CPXM Tràng An	Đồng Mít, thanh Nghị, TL	40	7/4/2008	30/5/2011	5,27	
11	Cty CPXD&PTHYKT Hà Nam	Đồi Mã Đơn, Thanh Nghị, TL	147	15/12/2008	31/12/2011	8	
12	Công ty CPXM Hoàng Long	Núi Mỏ Si, Thanh Nghị, TL	42	11/04/2008	30/4/2011	0,74	
13	Cty CP Gạch Ngói Sông Chanh	Cửa Rừng, Thanh Nghị, TL	60	07/11/2007	30/04/2010	2,97	
14	Công ty CPVLXD TLiêm	Thung Rói, Thanh Nghị, TL	114	23/7/2010	30/7/2013	1,63	
15	Công ty CPXM Hoàng Long	Núi Mỏ Si, Thanh Nghị, TL	42	11/04/2008	30/4/2011	0,74	
16	Công ty CP Thanh Nghị	Núi Con Dơi, Nghị, TL	10	27/1/2011	30/12/2012	1,2	
17	Cty CP gạch Tuynen Kim Thanh	BB Sông Đáy, Thanh Hải, TL	34	29/5/2009	30/5/2012	8,1	
18	Công ty CPVLXD Sông Đà	Núi Đồng Ao, ThThủy, TL	190	13/12/2010	31/12/2011	3,4	
19	Công ty TNHH kt đá Thanh Thủy	Đồng Thung Mơ, Thanh Thủy, TL	38	22/6/2012	22/6/2014	0,6	
	Tổng cộng					75,575	